

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1LAW51101

Môn thi: **Luật công ty (II)**

Mã ca thi: **THI197389**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **16/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120002	Phạm Hùng	Anh	01/05/1996						
2	211120001	Trần Ngọc	Ẩn	21/05/1967						
3	211120004	Trần Thị Thanh	Bích	26/12/1988						
4	211120010	Trần Việt	Dũng	25/08/1989						
5	211120006	Hứa Hồng	Đào	25/12/1988						
6	211120007	Nguyễn Ngọc Phương	Đình	05/08/1996						
7	211120009	Đoàn Đình	Đức	10/05/1988						
8	211120014	Hoàng	Hà	19/08/1988						
9	211120013	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1995						
10	211120015	Võ Thị Ngọc	Hân	16/01/1989						
11	211120017	Trần Nguyễn Thảo	Hiền	17/10/1998						
12	211120019	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	10/07/1992						
13	211120021	Phạm Đăng	Hoàng	15/03/1995						
14	211120022	Phạm Thị Minh	Huệ	16/06/1988						
15	211120026	Lê Nguyễn Nhật	Huy	03/09/1995						
16	211120027	Phạm Thanh	Huy	14/06/1995						
17	211120023	Trần La Ngọc	Hùng	15/08/1975						
18	NCS2021013	Tian	Jian	18/03/1969						Nợ HP
19	211120030	Tường Xuân	Khoa	09/04/1999						
20	211120038	Nguyễn Thành	Nam	28/11/1990						
21	211120041	Trần Quỳnh	Như	26/06/1998						
22	211120044	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	01/07/1981						
23	211120045	Trần Thị Minh	Phượng	27/08/1978						
24	211120049	Nguyễn Thị Kim	Thanh	06/11/1995						
25	211120051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/02/1995						
26	211120052	Trần Lê Thanh	Thảo	10/04/1999						
27	211120048	Trần Quốc	Thái	20/01/1995						
28	211120054	Đặng Thị Phương	Thúy	25/01/1992						
29	211120055	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	10/08/1980						
30	211120059	Phan Trịnh Minh	Tiên	03/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CADV60700901

Môn thi: **Kiểm toán cao cấp**

Mã ca thi: **THI198855**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **04/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201114009	Nguyễn Ngọc	Dung	02/10/1995						
2	202114015	Nguyễn Thị Khánh	Dung	04/08/1988						
3	202114017	Nguyễn Thanh	Duy	02/02/1996						
4	202114019	Trần Khánh	Duy	30/04/1993						
5	192114015	Trần Thị Mỹ	Duyên	12/11/1993						
6	202114013	Hồ Vũ Khánh	Dư	06/10/1987						
7	202114010	Nguyễn Thị	Đám	12/01/1994						
8	202114014	Trần Thị Hồng	Đức	06/08/1995						
9	202114026	Đào Văn	Hảo	31/01/1987						
10	202114024	Đoàn Thị	Hằng	10/05/1995						
11	202114022	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10/12/1987						
12	202114029	Lê Trần Thanh	Hiền	02/02/1993						
13	202114041	Nguyễn Văn	Huy	23/06/1998						
14	202114040	Trịnh Đức	Huy	28/01/1994						
15	202114038	Lê Thị	Hương	22/12/1994						
16	202114039	Nguyễn Thị Kim	Hường	17/06/1994						
17	202114046	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/03/1989						
18	202114045	Phạm Phú Phương	Linh	20/11/1996						
19	202114044	Trịnh Thị Trúc	Linh	26/05/1994						
20	202114051	Hồ Thị Ngọc	Mai	07/01/1987						
21	202114056	Trần Thị	Mộng	14/06/1989						
22	202114057	Trần Ngọc	Mỹ	04/04/1985						
23	202114059	Huỳnh Hà Bảo	Ngọc	27/10/1993						
24	202114060	Nguyễn Thị	Ngọc	20/01/1997						
25	202114063	Nguyễn Thị	Nhàn	24/10/1994						
26	202114066	Phan Thảo	Nhi	21/02/1998						
27	202114068	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/08/1996						
28	202114073	Danh Sơn Ngọc	Phương	24/10/1995						
29	202114072	Nguyễn Lê Minh	Phương	22/12/1980						
30	202114071	Nguyễn Thị Thanh	Phương	22/12/1994						
31	202114078	Đặng Hải	Sơn	25/12/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114085	Lưu Thị Thanh	Thảo	21/06/1996						
33	202114083	Tạ Thị Thanh	Thảo	13/12/1981						
34	202114084	Trần Thị Thu	Thảo	02/06/1991						
35	202114086	Phạm Tạ Thu	Thâu	10/01/1984						
36	NCS2020015	Đoàn Thị Thu	Thủy	01/11/1979						
37	202114089	Hoàng Thị Bích	Thủy	29/05/1985						
38	202114088	Tôn Nữ Anh	Thư	19/11/1997						
39	202114091	Võ Thị Đức	Toàn	10/05/1994						
40	202114093	Quách Thị Thùy	Trang	17/03/1995						
41	202114094	Hoàng Nguyễn Quốc	Trí	06/11/1997						
42	202114098	Nguyễn Thị Tường	Vi	24/12/1990						
43	202114099	Tiêu Hoàng	Vũ	07/01/1983						
44	202114100	Võ Thị Trường	Vy	31/05/1993						
45	202114101	Đặng Ngọc Thảo	Yên	23/04/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ECOH52402

Môn thi: **Đánh giá dự án y tế công cộng**

Mã ca thi: **THI198856**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **04/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201103001	Huỳnh Quốc Bảo Phương	Anh	23/05/1997						
2	201103002	Lê Thị Phương	Anh	27/10/1984						Nợ HP
3	201103003	Nguyễn Thị Minh	Châu	20/12/1988						
4	201103005	Trần Thị	Diệu	07/02/1989						
5	201103004	Phan Hoàng Mẫn	Đạt	16/01/1992						
6	201103007	Đoàn Bích	Hà	25/02/1994						
7	201103006	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/12/1994						
8	201103008	Vũ Đức	Hiệp	31/05/1995						Nợ HP
9	201103009	Lê Kim	Hương	24/07/1983						
10	201103010	Phan Thị Kim	Loan	10/03/1986						
11	201103012	Trương Ngọc	Phượng	21/05/1993						Nợ HP
12	201103014	Lê Ngọc Mỹ	Thanh	09/05/1994						
13	201103013	Nguyễn Thị Kim	Thanh	19/11/1980						
14	201103015	Đỗ Thị	Trang	07/04/1993						
15	201103016	Trương Thiện	Tùng	21/03/1969						
16	201103017	Phạm Thanh	Uyên	24/05/1989						
17	201103018	Ngô Trần Khánh	Vy	08/09/1995						
18	201103019	Trần Thị	Yến	19/12/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CADV60700903

Môn thi: **Kiểm toán cao cấp**

Mã ca thi: **THI198857**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **06/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114001	Đỗ Thị Thúy	An	07/08/1996						
2	202114002	Mai Bá Trường	An	18/01/1990						
3	202114003	Tô Phạm Quế	Anh	23/04/1997						
4	202114004	Trần Thị Quỳnh	Anh	12/03/1995						
5	202114007	Võ Thị Ngọc	Bích	08/10/1989						
6	192114007	Nguyễn Bích	Châu	06/09/1997						
7	202114008	Lê Thị Kim	Chung	05/07/1997						
8	202114009	Hoàng Mạnh	Cường	25/04/1996						
9	202114011	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	18/03/1997						
10	202114020	Nguyễn Nam Mỹ	Duyên	25/10/1994						
11	202114012	Trần Quách Tuệ	Đông	19/12/1995						
12	202114021	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/10/1988						
13	202114023	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08/10/1997						
14	202114027	Nguyễn Phúc	Hậu	28/08/1994						
15	202114028	Trần Thị Kim	Hậu	21/10/1988						
16	202114031	Nguyễn Văn	Hiệp	25/10/1981						
17	202114034	Đinh Nữ Diệu	Hoài	17/03/1991						
18	202114037	Nguyễn Ngọc	Hùng	12/06/1969						
19	202114042	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/06/1986						
20	202114047	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	01/12/1977						
21	202114048	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	12/01/1994						
22	202114049	Nguyễn Thị	Lộc	14/12/1992						
23	202114054	Lại Hoàng	Minh	19/08/1993						
24	202114053	Phạm Nhật	Minh	27/10/1996						
25	202114058	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/12/1985						
26	192114039	Nguyễn Thị Minh	Nghi	15/10/1996						
27	202114061	Tô Bội	Ngọc	01/01/1987						
28	202114062	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	27/11/1994						
29	202114064	Nguyễn Hữu	Nhân	29/03/1993						
30	202114065	Phan Hoàng	Nhật	04/11/1989						
31	202114067	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/03/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114069	Nguyễn Thị Kim	Nhung	24/10/1986						
33	202114074	Văn Thị Thanh	Phuong	28/02/1990						
34	202114077	Đinh Thị Lê	Sa	19/07/1989						
35	202114079	Nguyễn Ngọc	Tâm	15/08/1987						
36	202114080	Phạm Thị Phương	Thanh	22/11/1997						
37	202114081	Trần Thị Thu	Thảo	29/07/1992						
38	202114082	Vũ Hoàng Phương	Thảo	24/07/1996						
39	202114087	Trần Thị Hà	Thu	20/03/1993						
40	202114090	Viên Ngọc Anh	Thy	22/08/1997						
41	202114092	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	03/01/1989						
42	202114096	Lê Thị Hồng	Vân	14/08/1996						
43	202114097	Trần Thanh	Vân	21/03/1983						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ENT60202604

Môn thi: **Quản trị rủi ro doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI198858**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **10/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107002	Hồ Trần Hoàng	Anh	06/06/1991						
2	201107005	Lê Hoàng	Anh	03/02/1994						
3	201107006	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	09/09/1994						
4	201107014	Võ Ngọc	Châu	10/12/1993						
5	201107016	Trần Thành	Công	23/01/1985						
6	201107041	Lê Hồ Minh	Hằng	31/05/1997						
7	201107048	Trần Ngọc	Hiệp	02/09/1998						
8	201107057	Nguyễn	Huỳnh	06/01/1998						
9	201107058	Y Khoa Niê	Kdăm	27/07/1997						
10	211107115	Nguyễn Phước	Linh	06/05/1992						
11	201107069	Đoàn Tấn	Lợi	20/05/1985						
12	201107070	Phạm Thảo	Ly	11/06/1994						
13	201107086	Trần Khôi	Nguyên	02/10/1983						
14	201107092	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	07/03/1994						
15	201107094	Nguyễn Huỳnh	Phong	14/02/1995						
16	201107112	Trần Mai	Thông	28/06/1996						
17	201107127	Đỗ Thị Hạnh	Trình	25/09/1997						
18	201107136	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	12/08/1998						
19	201107139	Nguyễn Thị Diễm	Vân	09/04/1984						
20	201107150	Phan Nguyễn Thúy	Vy	24/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1RES60100201

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI198861**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **14/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111005	Bùi Tấn	Bản	02/12/1997						
2	201111014	Nguyễn Huỳnh	Duyên	21/11/1995						Nợ HP
3	201111016	Nguyễn Thu	Hà	02/07/1995						
4	201111022	Nguyễn Thị Cẩm	Hiền	11/03/1994						
5	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
6	201111025	Hoàng Mạnh	Hùng	21/02/1993						
7	201111028	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/09/1994						
8	201111033	Lâm Tuấn	Lạc	28/02/1985						
9	7701280699A	Lại Thị Khánh	Linh	08/08/1994						Nợ HP
10	201111037	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	19/07/1991						
11	201111039	Nguyễn Thái Hoài	Linh	07/03/1998						
12	201111040	Trần Thị Mỹ	Linh	17/12/1996						
13	192111055	Đỗ Hoàng	Luân	11/11/1995						
14	201111047	Trần Thị Ngọc	Minh	16/08/1995						
15	201111052	Phạm Trí	Nghĩa	22/03/1996						
16	201111053	Lê Trần Bảo	Ngọc	14/02/1994						
17	201111055	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/03/1997						
18	201111060	Nguyễn Thành	Nhân	14/10/1997						
19	201111062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/11/1996						
20	201111066	Trần Thị Kim	Oanh	17/11/1996						
21	201111067	Đào Thanh	Phong	19/03/1997						
22	201111072	Đỗ Thị Lệ	Quyền	20/08/1985						
23	201111078	Võ Văn	Thành	02/03/1992						
24	201111077	Nguyễn Ngọc	Thạch	07/10/1991						
25	201111080	Võ Thị Kim	Thoa	03/01/1994						
26	201111082	Nguyễn Công	Thủ	10/07/1991						
27	201111087	Cao Thị Ngọc	Trân	20/10/1993						
28	201111088	Huỳnh Thị Bảo	Trân	14/04/1992						
29	201111090	Võ Thị Thanh	Trúc	23/10/1987						
30	201111094	Thuận Lâm	Tuân	19/10/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201111096	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	13/03/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1REA60501101

Môn thi: **Đầu tư và tài trợ bất động sản**

Mã ca thi: **THI198862**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **16/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
2	201111010	Trần Quốc	Cường	15/10/1992						Nợ HP
3	201111012	Nguyễn Đình	Đại	28/10/1989						
4	201111016	Nguyễn Thu	Hà	02/07/1995						
5	192111032	Châu Kim	Hiền	12/08/1994						
6	201111022	Nguyễn Thị Cẩm	Hiền	11/03/1994						
7	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
8	201111030	Ngô Quốc	Huy	28/07/1989						
9	201111025	Hoàng Mạnh	Hùng	21/02/1993						
10	201111026	Ngô Mạnh	Hùng	31/10/1995						
11	201111027	Lê Quang	Hung	15/09/1997						
12	201111028	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/09/1994						
13	201111032	Trịnh Thị Xuân	Khuê	22/03/1990						
14	201111033	Lâm Tuấn	Lạc	28/02/1985						
15	7701280699A	Lại Thị Khánh	Linh	08/08/1994						Nợ HP
16	201111037	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	19/07/1991						
17	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
18	201111040	Trần Thị Mỹ	Linh	17/12/1996						
19	201111042	Lê Hải	Long	28/07/1989						
20	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
21	201111046	Nguyễn Ngọc Diễm	Minh	05/10/1981						
22	201111050	Dương Thị Hằng	Nga	30/04/1992						
23	201111052	Phạm Trí	Nghĩa	22/03/1996						
24	201111053	Lê Trần Bảo	Ngọc	14/02/1994						
25	201111055	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/03/1997						
26	201111060	Nguyễn Thành	Nhân	14/10/1997						
27	201111063	Ngô Bích	Nhung	29/01/1995						
28	201111062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/11/1996						
29	201111067	Đào Thanh	Phong	19/03/1997						
30	201111072	Đỗ Thị Lệ	Quyền	20/08/1985						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201111074	Lư Tấn	Sang	25/11/1995						
32	201111079	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/02/1995						
33	192111102	Nguyễn Khoa Diệu	Thái	01/01/1993						
34	201111080	Võ Thị Kim	Thoa	03/01/1994						
35	201111082	Nguyễn Công	Thủ	10/07/1991						
36	201111085	Vũ Thị	Thúy	23/04/1979						
37	201111084	Trần Thị Ngọc	Thương	28/03/1986						
38	192111119	Dương Minh	Tiến	05/09/1991						
39	201111087	Cao Thị Ngọc	Trân	20/10/1993						
40	201111090	Võ Thị Thanh	Trúc	23/10/1987						
41	201111096	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	13/03/1989						
42	192111150	Nguyễn Cao Yển	Vy	12/02/1995						
43	201111101	Trần Thị Ngọc	Yển	20/07/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1DIG60302801

Môn thi: **Marketing kỹ thuật số**

Mã ca thi: **THI198863**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **17/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201109002	Huỳnh Lê Phúc	Bảo	27/09/1998						
2	201109007	Nông Tuấn	Dũng	13/01/1992						
3	201109004	Nguyễn Thị Hồng	Đào	02/01/1997						
4	201109008	Dương Thị Thanh	Hằng	18/03/1996						
5	201109010	Lê Đức	Hoàng	30/01/1995						
6	201110002	Đinh Trọng	Hữu	28/01/1992						
7	201109013	Trần Thế	Lương	07/05/1984						
8	201109014	Nguyễn Thị	Ly	25/11/1989						
9	192110015	Nguyễn Hồng	Nga	06/05/1991						
10	201109016	Nguyễn Đức	Ngọc	07/04/1997						
11	201109018	Bùi Xuân	Nguyễn	02/04/1984						
12	201110005	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	13/04/1997						
13	201109022	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	20/11/1997						
14	201110009	Võ Thị Diễm	Sương	26/06/1996						
15	201109025	Bùi Minh	Tân	05/04/1993						
16	201109026	Huỳnh Duy	Tấn	24/06/1989						
17	201110010	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/1997						
18	201109029	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/04/1994						
19	201110012	Tô Phương	Thảo	22/07/1995						
20	201109027	Trương Thị	Thảo	06/02/1990						
21	201110013	Mã Văn	Thu	25/11/1994						
22	201109030	Phạm Minh Ngọc	Thư	22/11/1997						
23	201110015	Ngô Á	Tiên	20/05/1997						
24	201110016	Đặng Ngọc	Trâm	30/06/1994						
25	201109033	Trương Phạm Khánh	Vân	12/11/1988						
26	201109035	Phan Huỳnh Khánh	Vy	17/09/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ACC60701501

Môn thi: **Thiết kế nghiên cứu kế toán**

Mã ca thi: **THI198864**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **19/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201114002	Trần Văn	Anh	17/07/1996						
2	201114007	Trần Nghĩa Sĩ	Diện	05/07/1998						
3	201114009	Nguyễn Ngọc	Dung	02/10/1995						
4	192114013	Phan Thị Thùy	Dung	15/11/1994						
5	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
6	192114032	Lê Cao Thùy	Linh	12/07/1993						
7	201114023	Hồ Thị Tuyết	Mai	01/03/1987						
8	201114022	Nguyễn Thị Hồng	Mai	03/05/1982						
9	192114038	Dương Thị Công	Minh	11/08/1985						Nợ HP
10	201114025	Trần Thị	Mơ	12/08/1986						
11	201114026	Phạm Thị Ngọc	Ngà	25/05/1977						
12	201114030	Nguyễn Bách	Sang	28/09/1996						
13	201114033	Lê Trương Ngọc	Thảo	21/02/1995						
14	201114036	Bùi Thị Bảo	Thoa	08/11/1995						
15	201114048	Phan Quỳnh	Trang	25/10/1993						
16	201114051	Trịnh Quỳnh	Trang	25/12/1995						
17	201114052	Khuông Thị Kim	Tuyền	19/03/1987						
18	201114055	Vũ Thị Thanh	Xuân	12/06/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1MER60501701

Môn thi: **Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI198865**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201114001	Cao Thị Thúy	An	01/07/1997						
2	201114002	Trần Văn	Anh	17/07/1996						
3	201114007	Trần Nghĩa Sĩ	Diện	05/07/1998						
4	201114008	Võ Thị Cơ	Diệp	02/02/1995						
5	201114010	Lê Thị Cẩm	Dung	15/09/1992						
6	201114012	Ngô Thanh	Hạnh	22/07/1976						
7	201114011	Nguyễn Thị	Hằng	24/12/1989						
8	201114013	Nguyễn Thị	Hồng	16/02/1992						
9	201114014	Trần Thị Phương	Huệ	22/08/1989						
10	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
11	201114015	Hoàng Đình	Hưng	14/11/1995						
12	201114019	Hồ Thị Mỹ	Linh	24/08/1995						
13	192114032	Lê Cao Thùy	Linh	12/07/1993						
14	201114018	Lê Thùy	Linh	10/09/1993						
15	201114020	Huỳnh Thị Ngọc	Long	31/05/1992						
16	201114021	Phạm Thị Diệu	Lý	01/01/1994						
17	201114023	Hồ Thị Tuyết	Mai	01/03/1987						
18	201114024	Lê Thị Tuyết	Mai	13/05/1987						
19	201114022	Nguyễn Thị Hồng	Mai	03/05/1982						
20	192114038	Dương Thị Công	Minh	11/08/1985						Nợ HP
21	201114025	Trần Thị	Mơ	12/08/1986						
22	201114026	Phạm Thị Ngọc	Ngà	25/05/1977						
23	7701280790A	Trịnh Trương Kiều	Ngọc	29/08/1995						
24	201114027	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/01/1976						
25	201114028	Nguyễn Thị	Nhung	08/01/1997						
26	201114029	Phạm Thị Quỳnh	Phương	23/12/1995						
27	201114030	Nguyễn Bách	Sang	28/09/1996						
28	201114031	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	09/08/1997						
29	201114032	Trần Thị Thu	Thanh	29/01/1997						
30	201114033	Lê Trương Ngọc	Thảo	21/02/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201114037	Phan Thị Hoài	Thu	30/11/1989						
32	201114041	Nguyễn Kim	Thùy	15/04/1995						
33	201114043	Lê Thị	Thùy	01/11/1979						
34	201114038	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	04/03/1995						
35	201114039	Trần Thị Hồng	Thư	04/02/1986						
36	201114049	Bùi Ngọc Minh	Trang	02/03/1997						
37	201114047	Đặng Thị Minh	Trang	20/09/1994						
38	201114048	Phan Quỳnh	Trang	25/10/1993						
39	201114051	Trịnh Quỳnh	Trang	25/12/1995						
40	192114072	Lê Thị Nguyên	Trà	16/12/1987						
41	201114045	Dương Thùy	Trâm	03/01/1993						
42	201114052	Khuông Thị Kim	Tuyền	19/03/1987						
43	192114088	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	02/03/1994						
44	201114054	Phan Tường	Vi	28/12/1996						
45	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
46	201114055	Vũ Thị Thanh	Xuân	12/06/1991						
47	201114057	Phùng Thị Như	Ý	06/02/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ACC60701301

Môn thi: **Báo cáo chuyên đề hướng nghiên cứu hàn lâm** Mã ca thi: **THI198866**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201114001	Cao Thị Thúy	An	01/07/1997						
2	201114008	Võ Thị Cơ	Diệp	02/02/1995						
3	201114010	Lê Thị Cẩm	Dung	15/09/1992						
4	201114012	Ngô Thanh	Hạnh	22/07/1976						
5	201114011	Nguyễn Thị	Hằng	24/12/1989						
6	201114013	Nguyễn Thị	Hồng	16/02/1992						
7	201114014	Trần Thị Phương	Huệ	22/08/1989						
8	201114015	Hoàng Đình	Hung	14/11/1995						
9	201114019	Hồ Thị Mỹ	Linh	24/08/1995						
10	201114018	Lê Thùy	Linh	10/09/1993						
11	201114020	Huỳnh Thị Ngọc	Long	31/05/1992						
12	201114021	Phạm Thị Diệu	Lý	01/01/1994						
13	201114024	Lê Thị Tuyết	Mai	13/05/1987						
14	201114027	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/01/1976						
15	201114028	Nguyễn Thị	Nhung	08/01/1997						
16	201114029	Phạm Thị Quỳnh	Phương	23/12/1995						
17	201114031	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	09/08/1997						
18	201114032	Trần Thị Thu	Thanh	29/01/1997						
19	201114037	Phan Thị Hoài	Thu	30/11/1989						
20	201114041	Nguyễn Kim	Thùy	15/04/1995						
21	201114043	Lê Thị	Thủy	01/11/1979						
22	201114038	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	04/03/1995						
23	201114039	Trần Thị Hồng	Thư	04/02/1986						
24	201114049	Bùi Ngọc Minh	Trang	02/03/1997						
25	201114047	Đặng Thị Minh	Trang	20/09/1994						
26	201114045	Dương Thùy	Trâm	03/01/1993						
27	201114054	Phan Tường	Vi	28/12/1996						
28	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
29	201114057	Phùng Thị Như	Ý	06/02/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1REA60501102

Môn thi: **Đầu tư và tài trợ bất động sản**

Mã ca thi: **THI198867**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111005	Bùi Tấn	Bản	02/12/1997						
2	201111008	Nguyễn Võ Hoàng	Chương	15/04/1995						
3	201111015	Lê Thị	Giang	22/11/1992						
4	201111029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/08/1992						
5	201111034	Nguyễn Thị Thanh	Lan	13/02/1994						
6	201111036	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	03/12/1995						
7	192111055	Đỗ Hoàng	Luân	11/11/1995						
8	201111047	Trần Thị Ngọc	Minh	16/08/1995						
9	201111048	Vĩnh Lê Bảo	Minh	14/09/1996						
10	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						
11	201111056	Đào Nhật	Nguyên	07/03/1992						
12	201111065	Mai Thị Mỹ	Nương	12/05/1988						
13	201111064	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	01/01/1995						
14	201111069	Giang Huệ	Phương	23/12/1997						
15	201111077	Nguyễn Ngọc	Thạch	07/10/1991						
16	201111081	Ngô Thị Ngọc	Thu	21/12/1986						
17	201111083	Nguyễn Thị Anh	Thư	30/11/1998						
18	201111089	Phạm Thị Huyền	Trang	15/06/1985						
19	201111093	Dương Quốc	Tuân	02/06/1991						
20	201111092	Trương Văn	Tuân	27/05/1997						
21	201111095	Bùi Thị Kim	Tuyến	22/10/1988						
22	201111097	Mạc Phương	Uyên	09/06/1997						
23	201111098	Ngô Thị Huỳnh	Vân	26/08/1992						
24	201111100	Nguyễn Minh	Yến	17/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1RES60100202

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI198868**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	192111006	Nguyễn Lan	Anh	23/10/1996						
2	201111003	Phan Lê Minh	Anh	09/02/1997						
3	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
4	201111008	Nguyễn Võ Hoàng	Chương	15/04/1995						
5	201111009	Phạm Danh	Cung	12/04/1997						
6	201111012	Nguyễn Đình	Đại	28/10/1989						
7	201111017	Trần Bảo Ngọc	Hà	10/05/1996						
8	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
9	192111035	Hoàng Thanh	Hiền	24/10/1995						Nợ HP
10	201111032	Trịnh Thị Xuân	Khuê	22/03/1990						
11	201111034	Nguyễn Thị Thanh	Lan	13/02/1994						
12	201111036	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	03/12/1995						
13	201111057	Phạm Lê Hiếu	Nguyên	12/01/1998						
14	201111063	Ngô Bích	Nhung	29/01/1995						
15	201111065	Mai Thị Mỹ	Nương	12/05/1988						
16	201111069	Giang Huệ	Phương	23/12/1997						
17	201111076	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/10/1996						
18	201111081	Ngô Thị Ngọc	Thu	21/12/1986						
19	201111083	Nguyễn Thị Anh	Thư	30/11/1998						
20	201111084	Trần Thị Ngọc	Thương	28/03/1986						
21	201111089	Phạm Thị Huyền	Trang	15/06/1985						
22	201111093	Dương Quốc	Tuấn	02/06/1991						
23	201111092	Trương Văn	Tuấn	27/05/1997						
24	201111095	Bùi Thị Kim	Tuyến	22/10/1988						
25	201111097	Mạc Phương	Uyên	09/06/1997						
26	201111100	Nguyễn Minh	Yến	17/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1FIN60502401

Môn thi: **Các chủ đề thảo luận dành cho hướng
nghiên cứu**

Mã ca thi: **THI198869**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111003	Phan Lê Minh	Anh	09/02/1997						
2	201111002	Phan Như Tuấn	Anh	15/09/1997						
3	192111009	Lai Hoàng	Bảo	28/04/1994						
4	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
5	201112008	Nguyễn Bảo	Giang	14/11/1997						
6	201111019	Lê Thị Thanh	Hà	26/11/1994						
7	201111017	Trần Bảo Ngọc	Hà	10/05/1996						
8	201111018	Trần Thị Thu	Hà	15/09/1994						
9	201111030	Ngô Quốc	Huy	28/07/1989						
10	201111039	Nguyễn Thái Hoài	Linh	07/03/1998						
11	201111057	Phạm Lê Hiếu	Nguyên	12/01/1998						
12	201111059	Trần Thanh	Nhân	24/05/1993						
13	192111072	Đỗ Nguyễn Minh	Nhân	09/12/1992						Nợ HP
14	201111060	Nguyễn Thành	Nhân	14/10/1997						
15	201111066	Trần Thị Kim	Oanh	17/11/1996						
16	201111076	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/10/1996						
17	201111078	Võ Văn	Thành	02/03/1992						
18	201111088	Huỳnh Thị Bảo	Trân	14/04/1992						
19	201111094	Thuận Lâm	Tuân	19/10/1993						
20	201111091	Trần Minh	Tuân	28/04/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CENT60201901

Môn thi: **Quản trị khởi nghiệp**

Mã ca thi: **THI198871**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107003	Lê Nữ Tùng	Anh	20/10/1982						
2	202107008	Tôn Thất	Bách	18/03/1995						
3	202107017	Hạ Bá	Công	21/04/1994						
4	202107028	Trần Thị Lan	Di	06/06/1989						
5	202107032	Đỗ Thị Thùy	Dung	01/09/1995						
6	202107039	Đặng Hoàng	Duy	03/09/1995						
7	202107027	Nguyễn Thành	Đạt	24/12/1998						
8	202107023	Đinh Hải	Đăng	01/08/1981						
9	202107042	Vũ Thanh	Giang	06/08/1997						
10	202107049	Mạch Nguyễn Hồng	Hà	13/04/1993						
11	202107047	Phan Phương	Hà	15/08/1986						
12	202107058	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	17/06/1997						
13	202107065	Nguyễn Trọng	Hòa	09/02/1991						
14	202107070	Hồ Đắc	Huân	06/05/1996						
15	202107071	Trần Vĩ	Hùng	09/05/1992						
16	202107074	Đỗ Lê	Hung	06/03/1995						
17	192107063	Từ Thị Diễm	Hương	20/12/1993						
18	202107090	Phạm Thu	Lại	09/05/1997						
19	202107092	Đỗ Chung	Lập	03/02/1994						
20	202107101	Đinh Thị Minh	Luyến	27/08/1980						
21	202107110	Quách Nữ Diễm	My	17/01/1992						
22	202107109	Trương Thị My	My	30/05/1995						
23	202107115	Huỳnh Thị Kim	Ngân	01/01/1989						
24	202107125	Nguyễn Dư Bảo	Nhi	24/09/1995						
25	202107124	Nguyễn Dư Tuyết	Nhi	24/09/1995						
26	202107133	Phạm Phú Anh	Phúc	09/03/1998						
27	202107135	Ngô Bình	Phước	09/06/1997						
28	202107141	Trần Ngô Thục	Quyên	14/05/1998						
29	202107158	Nguyễn Trọng	Thành	13/02/1993						
30	202107164	Ngô Thanh	Thảo	25/10/1991						
31	202107162	Nguyễn Thị Thu	Thảo	07/11/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107153	Nguyễn Thị	Thắm	20/07/1993						
33	202107178	Trần Thị Mỹ	Tiên	03/04/1990						
34	202107202	Cao Anh	Tuấn	14/10/1997						
35	202107203	Lê Nhật	Tuấn	03/11/1987						
36	202107204	Lê Thị Thanh	Tuyền	20/02/1992						
37	202107205	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	15/07/1996						
38	202107206	Võ Thị Hồng	Tuyết	26/03/1993						
39	202107197	Đình Khải	Tú	03/06/1994						
40	202107209	Trần Đức Anh	Uyên	23/08/1996						
41	202107218	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	02/01/1998						
42	202107215	Nguyễn Ngọc Như	Ý	23/10/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CENT60201906

Môn thi: **Quản trị khởi nghiệp**

Mã ca thi: **THI198873**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107005	Vũ Mai	Anh	22/03/1991						
2	202107012	Nguyễn Thị Cẩm	Châu	26/09/1998						
3	202107013	Lê Thị Ánh	Chi	02/02/1986						
4	202107016	Lâm Thành	Cơ	22/03/1993						
5	202107018	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	24/06/1990						
6	202107030	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	08/08/1985						
7	202107038	Võ Nguyễn Minh	Duy	15/09/1998						
8	202107041	Trần Thị Bích	Duyên	18/12/1997						
9	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
10	202107036	Nguyễn Hoàng	Dũng	28/03/1990						
11	202107035	Nguyễn Văn	Dũng	07/03/1991						
12	202107048	Hoàng	Hà	28/09/1995						
13	202107050	Ngô Doãn	Hải	07/10/1994						
14	202107053	Võ Nguyệt Phương	Hằng	18/02/1993						
15	202107060	Đinh Văn Trung	Hiếu	21/12/1995						
16	202107067	Kiều Ngọc	Hoàng	12/07/1978						
17	202107064	Phan Thái	Hòa	01/10/1991						
18	202107072	Nguyễn Ngọc	Hùng	14/10/1994						
19	202107105	Trần Minh	Mẫn	28/10/1987						
20	202107106	Vũ Thị Ngọc	Mến	09/12/1992						
21	202107113	Trần Thị Thúy	Nga	26/03/1997						
22	202107128	Trần Mai Yên	Nhi	24/12/1989						
23	202107126	Trần Thị Phương	Nhi	06/10/1995						
24	202107131	Phạm Nguyễn Kiều	Oanh	23/10/1997						
25	202107144	Trần Thị Trúc	Quỳnh	11/09/1997						
26	202107147	Đỗ Bảo	Son	18/02/1994						
27	202107160	Phạm Nguyễn Trang	Thảo	26/11/1995						
28	202107161	Trương Thị Như	Thảo	03/03/1985						
29	202107151	Trình Ngọc	Thạch	08/12/1991						
30	202107175	Nguyễn Võ Ngọc	Thủy	17/10/1994						
31	202107177	Đỗ Khánh	Tiên	18/10/1992						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107180	Trần Đình	Tiến	15/04/1997						
33	202107181	Lê Hoàng	Tin	02/08/1997						
34	202107199	Trần Thanh	Tú	18/10/1993						
35	202107211	Trịnh Thụy	Vũ	02/11/1987						
36	202107213	Nguyễn Bá	Vương	03/03/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CENT60201905

Môn thi: **Quản trị khởi nghiệp**

Mã ca thi: **THI198874**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107001	Trần Thị Dương	An	22/04/1984						
2	192107012	Lương Thị Hồng	Cầm	22/03/1990						
3	202107029	Hoàng Thị Kiều	Diễm	03/11/1995						
4	202107034	Nguyễn Tuấn	Dũng	06/05/1992						
5	202107055	Đàm Đình	Hảo	30/05/1989						
6	202107051	Nguyễn Ngọc	Hân	30/05/1988						
7	202107057	Lê Thị Ngọc	Hiền	01/06/1986						
8	202107059	Phan Trọng	Hiếu	28/11/1975						
9	202107073	Vương Quốc	Hùng	20/04/1992						
10	202107075	Chu Quốc	Hưng	27/07/1996						
11	202107096	Nguyễn Quang Thê	Linh	05/10/1996						
12	202107111	Huỳnh Thị Xuân	Mỹ	20/12/1985						
13	202107116	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	25/02/1997						
14	202107120	Võ Minh	Ngọc	19/11/1997						
15	202107122	Lương Tài	Nhân	22/03/1989						
16	202107149	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	05/10/1995						
17	202107168	Thái Thị Ngọc	Thu	05/06/1996						
18	202107173	Ngô Nguyễn Mộng	Thùy	17/06/1997						
19	202107176	Nguyễn Ngọc Ánh	Thy	25/05/1992						
20	202107179	Hồ Dũng	Tiến	01/01/1997						
21	202107183	Trần Thị	Tín	06/03/1980						
22	202107188	Danh Thị Ngọc	Trân	19/01/1996						
23	202107193	Lại Kha Phương	Trình	21/04/1996						
24	202107195	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/05/1994						
25	202107201	Trịnh Khúc Hoàng	Tuấn	03/08/1997						
26	202107210	Lê Hồng	Vân	10/03/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CCOR60200102

Môn thi: **Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI198875**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107002	Châu Thúy	An	19/03/1988						
2	202107010	Hồ Quốc	Bảo	11/08/1993						
3	202107031	Phạm Đình Thiên	Đức	20/02/1995						
4	202107045	Phan Đức	Hà	25/08/1992						
5	202107065	Nguyễn Trọng	Hòa	09/02/1991						
6	202107080	Nguyễn Thành	Huy	28/03/1988						
7	202107082	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	05/10/1997						
8	202107077	Hoàng Thị Lan	Hương	30/04/1986						
9	202107097	Nguyễn Tiến	Lộc	15/09/1989						
10	202107117	Lê Hồng	Ngân	26/11/1992						
11	202107121	Ngô Thanh	Nhàn	05/11/1988						
12	202107123	Nguyễn Trí	Nhân	31/01/1993						
13	202107129	Dương Thị Phương	Nhi	19/01/1996						
14	202107132	Nguyễn Ngọc	Phúc	30/03/1992						
15	202107138	Đặng Thị Minh	Phượng	20/01/1977						
16	202107143	Phạm Thị Xuân	Quỳnh	23/01/1990						
17	192107226	Kong	Sokun	03/12/1991						Nợ HP
18	202107157	Phạm Thị	Thành	25/05/1995						
19	202107194	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	11/03/1995						
20	202107218	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	02/01/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CENT60201903

Môn thi: **Quản trị khởi nghiệp**

Mã ca thi: **THI198876**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107004	Nguyễn Diệp	Anh	11/10/1993						
2	201107013	Bùi Vũ Huyền	Châu	13/02/1987						
3	202107019	Nguyễn Thị Huỳnh	Cúc	12/10/1993						
4	202107025	Huỳnh Công	Danh	13/11/1994						
5	202107024	Phạm Công	Danh	05/08/1991						
6	202107033	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/05/1997						
7	202107046	Bùi Nguyễn Hồng	Hà	02/02/1997						
8	202107045	Phan Đức	Hà	25/08/1992						
9	202107054	Hoàng Thị	Hằng	19/11/1995						
10	202107066	Tôn Doanh	Hoan	06/12/1992						
11	202107069	Võ Thạch Tú	Hồng	01/11/1992						
12	202107079	Phạm Phúc	Huy	31/07/1980						
13	202107077	Hoàng Thị Lan	Hương	30/04/1986						
14	202107085	Lương Đặng Nam	Khánh	24/07/1997						
15	202107088	Mai Trung	Kiên	07/02/1982						
16	202107091	Lê Hoàng	Lâm	29/07/1992						
17	202107095	Bùi Nhựt	Linh	29/05/1998						
18	202107103	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	14/05/1997						
19	202107104	Nguyễn Văn Sáng Minh	Mẫn	08/05/1984						
20	202107107	Nguyễn Thành	Minh	08/04/1990						
21	202107118	Nguyễn Trọng	Nghĩa	15/09/1993						
22	202107123	Nguyễn Trí	Nhân	31/01/1993						
23	202107132	Nguyễn Ngọc	Phúc	30/03/1992						
24	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quyên	23/07/1995						
25	192107226	Kong	Sokun	03/12/1991						Nợ HP
26	202107159	Bùi Thiện	Thành	03/10/1993						
27	202107163	Thái Lê Thanh	Thảo	13/08/1993						
28	202107154	Đỗ Thị	Thắm	14/07/1982						
29	202107169	Nguyễn Thị Diệu	Thu	02/09/1995						
30	202107170	Bùi Hiếu Minh	Thư	14/08/1989						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	202107182	Nguyễn Huỳnh Phước	Tín	02/11/1993						
32	202107190	Phạm Đỗ Thảo	Trang	12/08/1997						
33	202107187	Hà Thị Huyền	Trâm	07/09/1998						
34	202107189	Hồ Nguyễn Bảo	Trân	13/06/1995						
35	202107198	Huỳnh Cẩm	Tú	12/06/1986						
36	202107212	Nguyễn Thị Thùy	Vương	25/07/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CLEA60201303

Môn thi: **Lãnh đạo**

Mã ca thi: **THI198878**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107003	Lê Nữ Tùng	Anh	20/10/1982						
2	202107019	Nguyễn Thị Huỳnh	Cúc	12/10/1993						
3	202107031	Phạm Đình Thiên	Đức	20/02/1995						
4	202107046	Bùi Nguyễn Hồng	Hà	02/02/1997						
5	202107054	Hoàng Thị	Hằng	19/11/1995						
6	202107065	Nguyễn Trọng	Hòa	09/02/1991						
7	202107069	Võ Thạch Tú	Hồng	01/11/1992						
8	202107070	Hồ Đắc	Huân	06/05/1996						
9	202107095	Bùi Nhựt	Linh	29/05/1998						
10	202107104	Nguyễn Văn Sáng Minh	Mẫn	08/05/1984						
11	202107110	Quách Nữ Diễm	My	17/01/1992						
12	202107116	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	25/02/1997						
13	202107136	Trần Thị Trúc	Phương	02/05/1985						
14	202107159	Bùi Thiện	Thành	03/10/1993						
15	202107178	Trần Thị Mỹ	Tiên	03/04/1990						
16	202107194	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	11/03/1995						
17	202107200	Nguyễn Hoàng Nhật	Tuân	23/04/1995						
18	202107204	Lê Thị Thanh	Tuyền	20/02/1992						
19	202107198	Huỳnh Cẩm	Tú	12/06/1986						
20	202107215	Nguyễn Ngọc Như	Ý	23/10/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CCOR60200104

Môn thi: **Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI198879**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107025	Huỳnh Công	Danh	13/11/1994						
2	202107029	Hoàng Thị Kiều	Diễm	03/11/1995						
3	202107043	Trần Thị Quỳnh	Giang	10/03/1989						
4	202107058	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	17/06/1997						
5	NCS2020031	Trần Quỳnh	Hoa	01/02/1975						
6	202107079	Phạm Phúc	Huy	31/07/1980						
7	202107073	Vương Quốc	Hùng	20/04/1992						
8	202107092	Đỗ Chung	Lập	03/02/1994						
9	202107102	Trần Thị Thanh	Mai	06/02/1998						
10	202107109	Trương Thị My	My	30/05/1995						
11	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quyên	23/07/1995						
12	202107141	Trần Ngô Thục	Quyên	14/05/1998						
13	202107163	Thái Lê Thanh	Thảo	13/08/1993						
14	202107153	Nguyễn Thị	Thắm	20/07/1993						
15	202107185	Lê Huỳnh Ngọc	Trâm	04/02/1996						
16	202107212	Nguyễn Thị Thùy	Vương	25/07/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500501

Môn thi: **Quản trị rủi ro tài chính**

Mã ca thi: **THI198880**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111006	Hoàng Thị Mai	Anh	18/10/1996						
2	202111005	Trần Nguyễn Lan	Anh	30/07/1997						
3	202111010	Nguyễn Thị Thanh	Cầm	06/06/1995						
4	202111011	Phan Công	Chánh	01/01/1982						
5	202111012	Trịnh Thị Giáng	Châu	28/10/1975						
6	202111015	Nguyễn Quốc	Cường	09/09/1993						
7	202111021	Bùi Thanh	Duy	06/06/1997						
8	202111023	Thiệu Ánh	Duyên	04/09/1997						
9	202111016	Nguyễn Thái	Đăng	05/03/1992						
10	202111028	Phạm Lê	Hào	09/01/1998						
11	202111029	Đặng Thị Thảo	Hiền	06/11/1995						
12	202111034	Lã Thị Thu	Hiền	06/05/1995						
13	202111036	Bùi Trung	Hiếu	31/07/1997						
14	202111038	Hoàng Thị	Hoa	03/10/1997						
15	202111037	Vũ Thị Ngọc	Hoa	08/11/1998						
16	202111040	Nguyễn Phú	Hoàng	25/11/1993						
17	202111048	Lý Chí	Huy	26/10/1994						
18	202111043	Lê Nhật	Hùng	09/02/1989						
19	202111045	Đoàn Thị Tuyết	Hương	15/01/1994						
20	202111047	Nguyễn Thị Diễm	Hương	14/07/1990						
21	202111052	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	13/07/1996						
22	211111165	Đoàn Duy	Khương	30/05/1979						
23	202111057	Trần Thị Hương	Lan	15/12/1994						
24	202111059	Phạm Thị Hương	Liên	22/12/1995						
25	202111061	Trần Hồng	Linh	19/01/1988						
26	202111063	Đỗ Thị Thúy	Loan	13/03/1982						
27	202111068	Liêu Kim	Ngân	01/10/1985						
28	202111069	Phan Nguyễn Phúc	Ngân	06/06/1998						
29	202111070	Huỳnh Châu	Nghi	19/11/1981						
30	202111073	Nguyễn Dương Phương	Nguyên	07/05/1997						
31	202111074	Phí Thị Thanh	Nhàn	01/04/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	192111072	Đỗ Nguyễn Minh	Nhân	09/12/1992						Nợ HP
33	192111074	Trần Thị Thanh	Nhi	20/09/1995						
34	202111076	Võ Hoàng Yến	Nhi	06/05/1998						
35	202111077	Đình	Nho	29/11/1997						
36	202111079	Phạm Thị Ngọc	Như	23/07/1993						
37	202111082	Trịnh Thị	Oanh	08/06/1995						
38	202111083	Vũ Đức	Phong	05/09/1984						
39	202111096	Nguyễn Minh	Thao	05/08/1990						
40	202111093	Hồ Minh	Thắng	05/06/1997						
41	202111101	Đoàn Thị	Thuần	01/02/1990						
42	202111103	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	29/08/1994						
43	202111108	Nguyễn Thanh	Toàn	02/07/1990						
44	202111110	Trần Nguyễn Minh	Trâm	09/07/1997						
45	202111111	Huỳnh Ngọc	Trân	06/06/1991						
46	202111115	Đỗ Thị	Trình	06/05/1991						
47	202111116	Nguyễn Mỹ	Trình	21/10/1997						
48	202111119	Trương Cao Minh	Tuấn	02/03/1985						
49	202111124	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	25/12/1988						
50	202111125	Nguyễn Hoàng Ái	Vi	29/03/1997						
51	202111126	Nguyễn Hồng Quốc	Việt	16/10/1995						
52	202111127	Dư Quốc	Vinh	10/06/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1MAN60202301

Môn thi: **Chuyên đề nghiên cứu chuyên ngành**
Quản trị kinh doanh

Mã ca thi: **THI198881**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107015	Đào Mỹ	Chi	11/04/1988						
2	201107022	Trần Thiên	Di	17/06/1984						
3	201107023	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	08/07/1991						
4	201107025	Tăng Xuân	Diệu	28/02/1993						
5	201107033	Nguyễn Lê Anh	Duy	28/04/1990						
6	201107034	Lê Thị Mỹ	Duyên	14/02/1998						
7	201107021	Lê Thành	Đạt	29/09/1997						
8	201107035	Vũ Thị Hương	Giang	24/11/1995						
9	192107041	Huỳnh Thị Quỳnh	Giao	12/07/1990						Nợ HP
10	201107039	Trương Hoàng Sơn	Hải	17/08/1998						
11	201107047	Đinh Vũ Ngọc	Hiền	19/06/1989						
12	201107055	Nguyễn Quang	Huy	01/04/1985						
13	201107053	Nguyễn Minh	Hùng	27/05/1994						
14	201107059	Đinh Viết	Kết	19/11/1984						
15	201107060	Nguyễn Vũ	Khải	10/01/1991						
16	201107064	Nguyễn Thị Diệu	Linh	06/09/1997						
17	201107072	Lê Đức	Mạnh	16/06/1993						
18	201107078	Lê Thị Kim	Ngân	21/03/1992						
19	201107079	Ngô Mai Kim	Ngân	27/09/1997						
20	201109015	Trần Thị Thanh	Ngân	19/12/1997						
21	201107085	Dương Tuấn	Ngọc	06/02/1993						
22	201107084	Trần Thị Như	Ngọc	16/04/1993						
23	192107109	Lê Thị Minh	Nguyệt	11/07/1991						
24	201107089	Nguyễn Thanh	Nhân	20/11/1995						
25	201109019	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	22/08/1997						
26	201107096	Trần	Phúc	31/10/1995						
27	201109021	Lê Thị Bích	Phượng	20/01/1989						
28	201107098	Trương Bá	Quang	27/07/1985						Nợ HP
29	201107099	Võ Nhựt	Quế	13/11/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
30	201107100	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	20/11/1991						
31	201107102	Trần Minh	Ry	25/05/1994						
32	201107104	Nguyễn Phương Minh	Tâm	14/10/1996						
33	201107103	Trương Phan Minh	Tâm	22/03/1994						Nợ HP
34	201110013	Mã Văn	Thu	25/11/1994						
35	201107121	Trần Ngọc Mỹ	Trân	27/02/1994						
36	201107125	Nguyễn Minh	Trí	29/04/1993						
37	201109032	Trần Đình Minh	Trí	25/11/1982						Nợ HP
38	201107135	Lê Ánh	Tuyết	15/01/1995						
39	201107137	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/06/1992						Nợ HP
40	201107130	Nguyễn Đức Cẩm	Tú	15/09/1996						
41	201107141	Đặng Thị	Văn	02/06/1990						
42	201109033	Trương Phạm Khánh	Vân	12/11/1988						
43	201107143	Võ Quốc	Việt	15/03/1991						
44	201107148	Nguyễn Nhất	Vũ	20/01/1981						Nợ HP
45	201107152	Đoàn Thị Kim	Yên	25/11/1997						
46	201109036	Lê Thị Phi	Yến	31/12/1988						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1MAN60202303

Môn thi: **Chuyên đề nghiên cứu chuyên ngành**
Quản trị kinh doanh

Mã ca thi: **THI198882**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107011	Lê Thanh	Bình	07/12/1991						
2	201107018	Cao Đức	Cường	23/01/1983						
3	201107017	Dương Mạnh	Cường	05/08/1997						
4	201109005	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	24/06/1994						
5	201110001	Phạm Ngọc	Dung	27/05/1993						
6	201107038	Nguyễn Long	Hải	05/08/1984						
7	201107040	Phan Thanh	Hải	01/05/1982						
8	201107062	Công Huyền Tôn Nữ Thúy	Kiều	15/08/1992						
9	201107067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/10/1994						
10	201110003	Nguyễn Thị Yên	Linh	08/07/1996						
11	201110004	Nguyễn Trần Ngọc	Linh	17/08/1993						
12	192107101	Trương Thị Bích	Nga	02/12/1989						
13	201107077	Lê Thị Thái	Ngân	18/10/1993						
14	201109017	Ngô Xuân Yên	Ngọc	12/11/1995						
15	201109020	Trần Thị	Oanh	08/01/1998						
16	201107093	Trình Hồng	Phi	20/10/1995						
17	201110007	Võ Duy Thiên	Phú	14/10/1982						
18	192107125	Lương Hồng	Phương	06/12/1993						
19	201109024	Nguyễn Thị Điện	Sương	12/10/1998						
20	201107113	Dương Anh	Thuận	12/12/1994						
21	201107114	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	27/03/1990						
22	201107115	Lê Thị	Thủy	11/10/1991						
23	201107116	Nguyễn Ngọc	Tiến	10/10/1991						
24	201107133	Lê Thị Kim Linh	Tuyền	07/03/1983						
25	201107140	Đoàn Thị Lê	Vân	12/03/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1MAN60202302

Môn thi: **Chuyên đề nghiên cứu chuyên ngành**
Quản trị kinh doanh

Mã ca thi: **THI198883**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107019	Bùi Thái Thanh	Danh	30/04/1997						
2	192107018	Nguyễn Tấn	Đạt	16/03/1989						
3	201107036	Lê Thị Trà	Giang	08/03/1994						
4	201107045	Hồng Thanh	Hào	03/09/1992						
5	201107050	Lê Trung	Hiếu	29/05/1990						
6	201107066	Bùi Hồng	Linh	26/04/1990						
7	7701280757A	Lê Thị Kim	Mỹ	07/09/1984						
8	202107127	Lê Thị Minh	Nhi	10/02/1991						
9	201110005	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	13/04/1997						
10	201110015	Ngô Á	Tiên	20/05/1997						
11	201107132	Phan Bùi Phương	Tuấn	14/08/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CLEA60201301

Môn thi: **Lãnh đạo**

Mã ca thi: **THI198884**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107008	Tôn Thất	Bách	18/03/1995						
2	202107017	Hạ Bá	Công	21/04/1994						
3	202107028	Trần Thị Lan	Di	06/06/1989						
4	202107032	Đỗ Thị Thùy	Dung	01/09/1995						
5	202107039	Đặng Hoàng	Duy	03/09/1995						
6	202107037	Phạm Trần Anh	Duy	16/04/1995						
7	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
8	202107022	Châu Đình	Đại	20/11/1990						
9	202107027	Nguyễn Thành	Đạt	24/12/1998						
10	202107023	Đinh Hải	Đăng	01/08/1981						
11	202107049	Mạch Nguyễn Hồng	Hà	13/04/1993						
12	202107058	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	17/06/1997						
13	202107062	Trương Lê Minh	Hiếu	01/11/1990						
14	202107066	Tôn Doanh	Hoan	06/12/1992						
15	202107079	Phạm Phúc	Huy	31/07/1980						
16	202107081	Trương Tuấn	Huy	24/07/1995						
17	202107071	Trần Vĩ	Hùng	09/05/1992						
18	202107074	Đỗ Lê	Hung	06/03/1995						
19	192107063	Từ Thị Diễm	Hương	20/12/1993						
20	202107085	Lương Đặng Nam	Khánh	24/07/1997						
21	202107090	Phạm Thu	Lại	09/05/1997						
22	202107091	Lê Hoàng	Lâm	29/07/1992						
23	202107094	Bùi Thị Bảo	Linh	06/08/1990						
24	202107101	Đinh Thị Minh	Luyến	27/08/1980						
25	202107103	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	14/05/1997						
26	202107111	Huỳnh Thị Xuân	Mỹ	20/12/1985						
27	202107115	Huỳnh Thị Kim	Ngân	01/01/1989						
28	202107125	Nguyễn Dư Bảo	Nhi	24/09/1995						
29	202107124	Nguyễn Dư Tuyết	Nhi	24/09/1995						
30	202107133	Phạm Phú Anh	Phúc	09/03/1998						
31	202107158	Nguyễn Trọng	Thành	13/02/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202107164	Ngô Thanh	Thảo	25/10/1991						
33	202107155	Vũ Dương	Thăng	22/03/1996						
34	202107185	Lê Huỳnh Ngọc	Trâm	04/02/1996						
35	202107189	Hồ Nguyễn Bảo	Trân	13/06/1995						
36	202107196	Trần Thành	Trung	27/11/1997						
37	202107203	Lê Nhật	Tuấn	03/11/1987						
38	202107205	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	15/07/1996						
39	202107207	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	16/06/1981						
40	202107206	Võ Thị Hồng	Tuyết	26/03/1993						
41	202107197	Đinh Khải	Tú	03/06/1994						
42	202107210	Lê Hồng	Vân	10/03/1991						
43	202107212	Nguyễn Thị Thùy	Vương	25/07/1990						
44	202107216	Dương Hải	Yến	03/05/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CENT60201902

Môn thi: **Quản trị khởi nghiệp**

Mã ca thi: **THI198885**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202107002	Châu Thúy	An	19/03/1988						
2	202107009	Nguyễn Kim	Bản	27/08/1997						
3	202107011	Đinh Trọng Xuân	Bình	07/08/1983						
4	202107022	Châu Đình	Đại	20/11/1990						
5	202107031	Phạm Đình Thiên	Đức	20/02/1995						
6	202107084	Đỗ Ngọc Yến	Khanh	07/09/1986						
7	202107097	Nguyễn Tiến	Lộc	15/09/1989						
8	202107102	Trần Thị Thanh	Mai	06/02/1998						
9	202107114	Trương Ngọc Kim	Ngân	05/03/1996						
10	202107121	Ngô Thanh	Nhàn	05/11/1988						
11	202107137	Bùi Thị Minh	Phương	13/10/1989						
12	202107138	Đặng Thị Minh	Phượng	20/01/1977						
13	202107150	Nguyễn Mạnh	Tân	15/08/1994						
14	202107167	Võ Văn	Thời	10/02/1995						
15	202107200	Nguyễn Hoàng Nhật	Tuấn	23/04/1995						
16	202107214	Nguyễn Duy Nhất	Vương	02/06/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1FIN60501601

Môn thi: **Quản trị rủi ro tài chính**

Mã ca thi: **THI198886**

Thời gian thi:

Giờ thi: **06g45**

Ngày thi: **25/12/2021**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201114001	Cao Thị Thúy	An	01/07/1997						
2	201114002	Trần Văn	Anh	17/07/1996						
3	201114007	Trần Nghĩa Sĩ	Diện	05/07/1998						
4	201114008	Võ Thị Cơ	Diệp	02/02/1995						
5	201114010	Lê Thị Cẩm	Dung	15/09/1992						
6	201114009	Nguyễn Ngọc	Dung	02/10/1995						
7	201114012	Ngô Thanh	Hạnh	22/07/1976						
8	201114011	Nguyễn Thị	Hằng	24/12/1989						
9	201114013	Nguyễn Thị	Hồng	16/02/1992						
10	201114014	Trần Thị Phương	Huệ	22/08/1989						
11	201114015	Hoàng Đình	Hung	14/11/1995						
12	201114019	Hồ Thị Mỹ	Linh	24/08/1995						
13	192114032	Lê Cao Thùy	Linh	12/07/1993						
14	201114018	Lê Thùy	Linh	10/09/1993						
15	201114020	Huỳnh Thị Ngọc	Long	31/05/1992						
16	201114021	Phạm Thị Diệu	Lý	01/01/1994						
17	201114023	Hồ Thị Tuyết	Mai	01/03/1987						
18	201114024	Lê Thị Tuyết	Mai	13/05/1987						
19	201114022	Nguyễn Thị Hồng	Mai	03/05/1982						
20	201114025	Trần Thị	Mơ	12/08/1986						
21	201114026	Phạm Thị Ngọc	Ngà	25/05/1977						
22	201114027	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/01/1976						
23	201114028	Nguyễn Thị	Nhung	08/01/1997						
24	201114029	Phạm Thị Quỳnh	Phương	23/12/1995						
25	201114030	Nguyễn Bách	Sang	28/09/1996						
26	201114031	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	09/08/1997						
27	201114032	Trần Thị Thu	Thanh	29/01/1997						
28	201114033	Lê Trương Ngọc	Thảo	21/02/1995						
29	201114036	Bùi Thị Bảo	Thoa	08/11/1995						
30	201114037	Phan Thị Hoài	Thu	30/11/1989						
31	201114041	Nguyễn Kim	Thùy	15/04/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201114043	Lê Thị	Thùy	01/11/1979						
33	201114038	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	04/03/1995						
34	201114039	Trần Thị Hồng	Thư	04/02/1986						
35	201114049	Bùi Ngọc Minh	Trang	02/03/1997						
36	201114047	Đặng Thị Minh	Trang	20/09/1994						
37	201114048	Phan Quỳnh	Trang	25/10/1993						
38	201114051	Trịnh Quỳnh	Trang	25/12/1995						
39	201114045	Dương Thùy	Trâm	03/01/1993						
40	201114052	Khuông Thị Kim	Tuyền	19/03/1987						
41	201114054	Phan Tường	Vi	28/12/1996						
42	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
43	201114055	Vũ Thị Thanh	Xuân	12/06/1991						
44	201114057	Phùng Thị Như	Ý	06/02/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1LAW51102

Môn thi: **Luật công ty (II)**

Mã ca thi: **THI198891**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **05/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120003	Đinh Gia	Bảo	16/12/1992						
2	211120008	Nguyễn Ngọc Thương	Doanh	22/09/1994						
3	211120011	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11/03/1998						
4	211120012	Phạm Trà	Giang	07/08/1982						
5	211120016	Chung Gia	Hảo	09/10/1990						
6	211120018	Lê Vinh Thái	Hiệp	13/11/1975						
7	211120020	Nguyễn Trần Minh	Hoa	25/04/1998						
8	211120025	Phan Đăng	Hùng	23/08/1981						
9	211120032	Trần Xuân	Linh	06/02/1985						
10	211120033	Vũ Thanh	Long	15/12/1976						
11	211120037	Hồ Nguyễn Thành	Nam	10/01/1983						
12	211120036	Nguyễn Giang	Nam	01/11/1991						
13	211120039	Vũ Trịnh Bảo	Ngọc	27/07/1998						
14	211120042	Nguyễn Quốc	Phú	23/06/1987						
15	211120043	Trần Hoàng Thiên	Phúc	08/10/1995						
16	211120047	Phan Vũ	Quỳnh	27/08/1998						
17	7701280934A	Trương Ngọc	Sang	31/12/1986						Nợ HP
18	211120062	Phan Thanh	Tâm	06/03/1981						
19	211120050	Trần Trung	Thành	02/07/1986						
20	7701281013A	Hà Lâm Thu	Thảo	28/08/1988						Nợ HP
21	211120053	Lê Huyền	Thư	20/08/1994						
22	211120058	Nguyễn Thủy	Tiên	30/10/1998						
23	211120057	Phạm Thị Kiều	Tiên	25/01/1987						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60100206

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI198892**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **09/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111005	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	05/10/1989						
2	211111008	Nguyễn Thanh	Bình	10/11/1984						
3	211111009	Nguyễn Yên	Bình	03/05/1992						
4	211111010	Nguyễn Thị Mai	Ca	10/08/1995						
5	211111014	Lê Thị Minh	Châu	15/11/1993						
6	211111015	Phạm Ngọc	Châu	12/04/1996						
7	211111012	Phạm Trần	Châu	14/09/1998						
8	201111010	Trần Quốc	Cường	15/10/1992						
9	211111017	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	30/09/1996						
10	211111026	Huỳnh Anh	Duy	31/07/1992						
11	211111022	Phạm Thị Thùy	Dương	23/08/1991						
12	211111020	Nguyễn Phương	Đông	13/11/1992						
13	211111030	Vũ Thị	Giao	06/02/1993						
14	211111034	Nguyễn Thanh	Hải	16/06/1990						
15	211111038	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/10/1996						
16	211111042	Nguyễn Trung	Hiếu	15/09/1990						
17	211111053	Đặng Nguyễn Như	Huỳnh	15/10/1993						
18	211111052	Nguyễn Huy	Huỳnh	01/02/1989						
19	211111046	Phạm Ngọc	Hưng	11/03/1994						
20	201111029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/08/1992						
21	211111060	Phạm Thị Nhật	Lệ	07/06/1994						
22	211111062	Đinh Hoàng Bảo	Linh	20/10/1997						
23	211111065	Kim Thanh	Long	09/04/1994						
24	211111066	Nguyễn Trí	Luật	14/11/1997						
25	211111080	Hoàng Minh	Nguyên	01/07/1996						
26	211111082	Lê Nguyễn Đăng	Nguyên	20/10/1998						
27	211111083	Nguyễn Hữu	Nhân	06/05/1991						
28	201111064	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	01/01/1995						
29	202111084	Ngô Châu	Phú	10/06/1988						
30	201111068	Phan Ngọc Xuân	Phương	04/12/1995						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111094	Trần Thị Kim	Phuong	08/01/1987						
32	211111100	Phạm Bá	Quyền	13/10/1989						
33	211111184	Yorn	Rortana	06/11/1992						Nợ HP
34	211111183	Truong Kim	Sang	08/11/1992						
35	211111103	Đặng Hoàng	Son	29/07/1998						
36	211111104	Nguyễn Hữu Nam	Son	18/03/1998						
37	211111106	Nguyễn Minh	Tâm	07/02/1992						
38	211111114	Nguyễn Tâm	Thanh	13/10/1994						
39	211111118	Nguyễn Hạ	Thảo	02/10/1994						
40	211111110	Nguyễn Công	Thái	25/06/1975						
41	211111112	Thái Thị Ngọc	Thắm	14/11/1997						
42	202111093	Hồ Minh	Thắng	05/06/1997						
43	211111128	Cao Thị Phương	Thúy	10/05/1989						
44	211111124	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/08/1991						
45	211111141	Nguyễn Thị Đoan	Trang	04/05/1990						
46	211111140	Nguyễn Thị Kiều	Trang	06/09/1996						
47	202111113	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/10/1966						
48	211111145	Lê Công Quốc	Tuấn	19/06/1995						
49	211111147	Đỗ Thanh	Tùng	11/06/1997						
50	211111144	Nguyễn Minh	Tú	10/01/1994						
51	211111151	Tạ	Văn	04/01/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60100204

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI198893**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **10/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111004	Lê Tuấn	Anh	28/04/1995						
2	211111007	Hoàng Quốc	Bảo	28/11/1992						
3	211111006	Trần Lê Thiên	Bảo	28/09/1989						
4	211111011	Lê Hiếu Trung	Chánh	16/01/1996						
5	211111013	Nguyễn Đăng Bảo	Châu	27/06/1997						
6	211111016	Trịnh Lê Hoàng	Diễm	20/04/1998						
7	202111018	Bùi Huỳnh Mỹ	Dung	10/08/1985						
8	211111024	Lê Nhất Phương	Duy	21/11/1992						
9	211111027	Lưu Nguyễn	Duyên	13/12/1998						
10	211111021	Trần Tuấn	Đức	28/03/1997						
11	211111032	Phan Lưu Song	Hà	12/11/1998						
12	211111035	Nguyễn Thanh	Hải	09/12/1997						
13	211111037	Võ Thị Tuyết	Hạnh	13/04/1998						
14	211111036	Đoàn Kim	Hận	02/01/1995						
15	211111040	Dương Thị Thu	Hiền	05/10/1990						
16	211111039	Trà Thị Thu	Hiền	05/08/1997						
17	211111050	Lê Vương Quốc Thúy	Huyền	27/02/1982						
18	211111047	Phan Lan	Hương	22/06/1994						
19	211111057	Diệp Thị Đăng	Khoa	29/06/1996						
20	211111058	Nguyễn Tấn	Khương	02/10/1989						
21	211111059	Phạm Phương	Lâm	12/04/1993						
22	211111063	Lê Nhật	Linh	31/01/1997						
23	201111035	Mai Xuân	Lịch	17/09/1992						Nợ HP
24	211111068	Phạm Thị	Mai	25/11/1997						
25	211111071	Huỳnh Thị Kiều	Mi	16/09/1998						
26	211111073	Nguyễn Hải	Nam	02/08/1983						
27	211111074	Nguyễn Thị Hồng	Nga	04/08/1996						
28	211111077	Lê Tuấn	Nghĩa	18/02/1996						
29	211111081	Lưu Ngọc Kim	Nguyên	07/02/1996						
30	211111084	Nguyễn Hữu	Nhân	24/10/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111086	Lê Thị Cẩm	Nhung	01/09/1992						
32	211111090	Nguyễn Ngọc	Ốn	19/09/1994						
33	211111091	Trần Thanh	Phong	08/09/1995						
34	211111092	Nguyễn Thị Hồng	Phước	26/09/1998						
35	211111095	Hoàng Thị	Phượng	26/05/1998						
36	211111098	Lê Anh	Quốc	25/04/1999						
37	211111101	Trương Nguyễn Như	Quỳnh	16/01/1999						
38	211111099	Nguyễn Khâm	Quý	13/02/1994						
39	211111105	Ngô Xuân	Son	11/01/1973						
40	211111107	Bùi Thị	Tâm	03/03/1994						
41	211111109	Trương Thị	Tân	10/06/1994						
42	211111115	Hoàng Uyên	Thanh	08/12/1989						
43	211111111	Phan Thị	Thắm	01/01/1985						
44	211111120	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	24/10/1993						
45	211111122	Trần Thị Anh	Thư	10/03/1998						
46	211111127	Nguyễn Thị Lan	Thương	05/02/1989						
47	211111132	Huỳnh Tiến	Tín	09/12/1983						
48	211111133	Nguyễn Trung	Toán	10/07/1996						
49	211111139	Đoàn Nguyễn Việt	Trang	16/12/1991						
50	211111137	Hoàng Thị Thùy	Trang	28/08/1997						
51	211111142	Phan Thị Quyền	Trang	18/10/1992						
52	211111136	Trần Thị Thanh	Trâm	20/01/1994						
53	211111143	Đặng Nhật	Trường	04/01/1995						
54	211111149	Lê Hồng Phương	Tuyết	11/08/1990						
55	211111148	Nguyễn Tiến	Tùng	20/11/1991						
56	211111152	Trần Lê	Vi	28/09/1997						
57	211111155	Nguyễn Hữu Khắc	Xuyên	10/12/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1OPE60201605

Môn thi: **Quản trị điều hành**

Mã ca thi: **THI198894**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **14/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107001	Phạm Phú Thiên	An	24/11/1995						
2	211107003	Vũ Thị Hồng	Ân	11/04/1997						
3	211107023	Đặng Trần Mỹ	Chung	22/10/1997						
4	211107026	Nguyễn Nhật	Cường	01/01/1989						
5	211107041	Lê Thị Thùy	Dương	26/01/1997						
6	211107030	Nguyễn Ngọc Trang	Đài	24/12/1995						
7	211107032	Hồ Gia Khánh	Định	15/10/1997						
8	211107034	Lâm	Đức	14/07/1985						
9	211107049	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14/06/1991						
10	211107063	Trần Thị Bích	Hảo	30/08/1985						
11	211107061	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	01/01/1988						
12	211107054	Võ Thị Phụng	Hằng	08/12/1994						
13	211107069	Trần Thu	Hiền	18/11/1997						
14	211107073	Nguyễn Đức	Hiệp	27/02/1998						
15	211107082	Chung Dao	Hồng	14/10/1990						
16	211107083	Lê Thị Thúy	Hồng	06/11/1983						
17	211107096	Hồ Thị Hồng	Huyền	16/10/1996						
18	211107100	Bùi Thị Thanh	Huyền	27/05/1998						
19	211107088	Nguyễn Việt	Hùng	23/01/1995						
20	211107086	Trần Hồng Quốc	Hùng	02/09/1993						
21	211107091	Huỳnh Lê	Hung	08/03/1989						
22	211107109	Nguyễn Đại	Lâm	13/10/1998						
23	211107115	Nguyễn Phước	Linh	06/05/1992						
24	211107130	Đào Lê Trúc	Mai	10/04/1997						
25	211107132	Bùi Hữu	Minh	01/06/1997						
26	211107137	Lê Nguyễn Thu	Nga	16/09/1994						
27	211107138	Trần Hồng	Nga	04/07/1998						
28	211107143	Nguyễn Lâm Phương	Ngân	31/08/1998						
29	211107145	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	30/10/1996						
30	211107147	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990						
31	211107149	Nguyễn Bảo	Ngọc	05/05/1999						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107153	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/06/1998						
33	211107160	Huỳnh Thị Phương	Nhi	20/12/1987						
34	211107162	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10/05/1997						
35	211107173	Ngô Thị Kim	Phụng	16/07/1996						
36	211107175	Nguyễn Anh	Phụng	29/05/1999						
37	211107182	Nguyễn Thị Nhất	Phuong	18/06/1990						
38	211107189	Cao Minh	Quân	06/08/1993						
39	211107214	Bùi Ngọc	Thảo	20/01/1998						
40	211107213	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1996						
41	211107215	Trần Thị Thạch	Thảo	27/09/1996						
42	211107203	Ngô Anh Quốc	Thái	1983						
43	211107205	Hà Đức	Thắng	01/06/1994						
44	211107220	Bùi Thanh	Thi	24/02/1994						
45	211107222	Nguyễn Viết	Thịnh	20/10/1992						
46	211107228	Lưu Trung Hồng	Thư	14/10/1988						
47	211107230	Trần Thị Thanh	Thư	21/05/1995						
48	211107250	Trần Thị Thùy	Trang	04/09/1998						
49	211107256	Ngô Mai	Trinh	24/06/1997						
50	211107253	Nguyễn Minh	Trí	03/09/1998						
51	211107271	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/03/1996						
52	211107270	Nguyễn Thanh	Tuyền	20/08/1994						
53	211107264	Nguyễn Mai Thanh	Tú	16/12/1988						
54	211107274	Ngô Thị Hồng	Vện	15/03/1993						
55	211107278	Huỳnh Hoàng	Vũ	27/07/1982						
56	211107286	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	03/11/1999						
57	211107284	Trần Đắc Tường	Vy	21/10/1997						
58	211107288	Nguyễn Trang Xuân	Yến	03/01/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60100207

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI198895**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **14/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111156	Lê Nguyễn Phước	An	24/09/1987						Nợ HP
2	211111158	Đỗ Vũ Tuấn	Anh	18/09/1981						Nợ HP
3	211111157	Lê Thị Kim	Anh	05/06/1983						Nợ HP
4	211111159	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	02/09/1982						Nợ HP
5	211111162	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	25/01/1981						Nợ HP
6	211111163	Phạm Thị Thùy	Dương	01/07/1985						Nợ HP
7	211111160	Văn Minh	Điền	18/12/1983						Nợ HP
8	211111161	Phạm Trần Minh	Đông	13/03/1991						
9	211111164	Trần Xuân	Hoàng	30/06/1992						Nợ HP
10	211111166	Trịnh Thị Tuyết	Lan	14/11/1983						
11	211111167	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/12/1980						Nợ HP
12	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
13	211111168	Đặng Quang	Minh	24/09/1987						Nợ HP
14	211111169	Lê Hoàng	Nam	17/09/1986						Nợ HP
15	211111170	Lương Thị Hằng	Nga	29/08/1988						Nợ HP
16	211111172	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Ngân	13/08/1989						Nợ HP
17	211111171	Nguyễn Phương	Ngân	09/10/1989						Nợ HP
18	211111173	Trần Thị Ngọc	Phương	12/10/1989						Nợ HP
19	211111174	Đồng Phúc	Thiện	18/10/1991						Nợ HP
20	211111175	Trần Thị Thanh	Thủy	11/11/1986						Nợ HP
21	211111176	Đỗ Huyền Kim	Thy	05/12/1985						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
22	211111177	Phạm Thị Bích	Tiền	06/06/1986						Nợ HP
23	211111179	Lê Thụy Thùy	Trang	26/03/1981						Nợ HP
24	211111178	Nguyễn Quốc	Trâm	14/10/1981						Nợ HP
25	211111180	Phạm Thị Ngọc	Trình	06/02/1991						Nợ HP
26	211111181	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	02/08/1985						Nợ HP
27	211111182	Nguyễn Trịnh Kim	Yên	16/09/1983						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21DIINT60302101

Môn thi: **Truyền thông marketing**

Mã ca thi: **THI198896**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211118003	Nguyễn Trung	Duy	11/10/1995						
2	211118001	Nguyễn Giang	Đào	05/11/1990						
3	211118002	Nguyễn Anh Quốc	Đạt	08/09/1993						
4	211118004	Nguyễn Hồng	Hải	21/11/1997						
5	211118005	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/03/1985						
6	211118006	Cao Việt	Hùng	28/11/1992						
7	211118007	Nguyễn Huy	Khoa	16/11/1996						
8	211118008	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	16/06/1994						
9	211118009	Vũ Hoàng Hà	Linh	11/01/1989						
10	211118010	Quan Toại	Mẫn	11/10/1994						
11	211118011	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/04/1998						
12	211118012	Nguyễn Thanh	Tâm	31/08/1991						
13	211118013	Bùi Thị Kim	Thanh	24/09/1992						
14	211118014	Nguyễn Phan Chí	Thành	23/05/1983						Nợ HP
15	211118015	Lê Ngọc	Toàn	02/11/1994						
16	211118016	Trịnh Hoàng	Việt	10/10/1991						
17	211118017	Trần Hoàn	Vũ	30/07/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1OPE60201603

Môn thi: **Quản trị điều hành**

Mã ca thi: **THI198897**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **16/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107009	Phạm Đức	Anh	14/11/1997						
2	211107019	Nguyễn Thị	Bình	27/04/1994						
3	211107021	Ngô Minh	Châu	07/11/1988						
4	211107042	Phạm Quang	Duy	30/03/1995						
5	211107051	Ngô Thị Như	Hải	26/06/1995						
6	211107060	Trần Thị Hồng	Hạnh	30/03/1997						
7	211107071	Lê Nguyễn Minh	Hiền	14/10/1998						
8	211107074	Trần Trung	Hiếu	05/08/1995						
9	211107072	Lê Huỳnh Ngọc	Hiệp	20/01/1998						
10	211107099	Nguyễn Phạm Ngọc	Huyền	07/11/1981						
11	211107090	Huỳnh Công	Hung	28/07/1991						
12	211107089	Tô Trịnh Bảo	Hung	15/09/1989						
13	211107116	Võ Thúy	Linh	11/09/1985						
14	211107124	Phan Thu	Lý	10/10/1993						
15	211107126	Hồ Nguyễn Xuân	Mai	08/06/1995						
16	192107093	Nguyễn Thanh	Mai	15/11/1996						
17	211107135	Lê Giang	Nam	04/10/1984						
18	211107139	Lê Thị Kim	Ngân	13/04/1997						
19	211107148	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1998						
20	201107082	Phan Ngô Tuấn	Ngọc	04/05/1998						
21	211107155	Nguyễn Minh	Nhật	07/04/1985						
22	211107158	Nguyễn Yến	Nhi	16/08/1999						
23	211107157	Trần Hoàng Anh	Nhi	23/08/1996						
24	211107164	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/04/1987						
25	211107163	Lê Huỳnh	Như	26/07/1995						
26	211107168	Huỳnh Tường	Phát	07/02/1985						
27	211107171	Phùng Thị Hồng	Phúc	31/10/1995						
28	211107180	Dương Thị Minh	Phương	22/11/1986						
29	211107184	Huỳnh Thị Trúc	Phương	22/09/1992						
30	211107187	Vũ Thị Lan	Phương	25/07/1979						
31	211107177	Nguyễn Trần Hồng	Phước	26/05/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107191	Lê Nguyễn Nam	Quang	15/04/1998						
33	211107217	La Hồng Phương	Thảo	17/01/1998						Nợ HP
34	211107212	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	03/08/1993						
35	211107219	Trần Thị Thanh	Thảo	15/04/1993						
36	211107202	Tiêu Thành	Thái	05/07/1987						
37	211107221	Hoàng Thị	Thiện	17/03/1993						
38	211107232	Nguyễn Thị Minh	Thuận	15/03/1985						
39	211107236	Trần Bích	Thủy	15/08/1978						
40	211107229	Nguyễn Trần Đà	Thư	09/08/1996						
41	211107239	Trần Văn	Tiền	21/07/1974						
42	211107251	Lê Thị Huyền	Trang	04/08/1994						
43	211107247	Diệp Bảo	Trân	27/11/1997						
44	211107255	Bùi Ngọc Khánh	Trình	19/07/1996						
45	202107192	Huỳnh Thị Thảo	Trình	18/06/1991						
46	201107131	Nguyễn Hoàng	Tuấn	06/01/1988						Nợ HP
47	201107147	Phạm Quang	Vinh	27/08/1990						
48	211107283	Nguyễn Thị Thanh	Vy	22/06/1987						
49	192107222	Trịnh Tường	Vy	03/05/1993						
50	211107287	Nguyễn Thị Như	Ý	19/04/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1CRI60200802

Môn thi: **Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề**

Mã ca thi: **THI198899**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107004	Nguyễn Minh Quốc	Anh	13/04/1997						
2	211107007	Nguyễn Vũ Mỹ	Anh	01/04/1996						
3	211107012	Lê Thị Ngọc	Ánh	13/07/1994						
4	211107002	Cao Nhật	Ân	14/04/1997						
5	211107015	Phan Trọng	Bách	14/01/1992						
6	211107014	Nguyễn Việt	Bắc	30/12/1998						
7	211107035	Trần Thị	Dung	16/12/1995						
8	211107038	Trần Anh	Dũng	23/06/1998						
9	211107058	Võ Hiếu	Hạnh	30/09/1997						
10	211107065	Tô Lâm	Hậu	03/08/1998						
11	211107071	Lê Nguyễn Minh	Hiền	14/10/1998						
12	211107074	Trần Trung	Hiếu	05/08/1995						
13	211107080	Nguyễn Tiến	Hòa	21/05/1996						
14	211107099	Nguyễn Phạm Ngọc	Huyền	07/11/1981						
15	211107101	Nguyễn Thị Như	Huyền	10/01/1998						
16	211107089	Tô Trịnh Bảo	Hung	15/09/1989						
17	211107094	Phạm Trọng	Hữu	25/01/1990						
18	211107114	Lê Hoàng Ly	Linh	16/02/1992						
19	211107124	Phan Thu	Lý	10/10/1993						
20	211107126	Hồ Nguyễn Xuân	Mai	08/06/1995						
21	211107133	Nguyễn Thị Diễm	My	15/11/1990						
22	211107134	Nguyễn Huy Khánh	Nam	28/09/1992						
23	211107142	Đào Thị Kim	Ngân	14/12/1989						
24	211107144	Đinh Thị Hồng	Ngân	15/12/1994						
25	211107139	Lê Thị Kim	Ngân	13/04/1997						
26	211107147	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990						
27	211107148	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1998						
28	211107163	Lê Huỳnh	Như	26/07/1995						
29	211107171	Phùng Thị Hồng	Phúc	31/10/1995						
30	211107180	Dương Thị Minh	Phương	22/11/1986						
31	211107178	Lê Trọng	Phước	19/05/1989						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107190	Nguyễn Mạnh	Quân	24/04/1996						
33	211107196	Huỳnh Ngọc	Quỳnh	27/07/1980						
34	211107212	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	03/08/1993						
35	211107218	Phạm Diệp Phước	Thảo	01/04/1998						
36	211107219	Trần Thị Thanh	Thảo	15/04/1993						
37	211107201	Trịnh Quốc	Thái	30/12/1988						
38	211107220	Bùi Thanh	Thị	24/02/1994						
39	211107225	Nguyễn Văn	Thông	24/09/1991						
40	211107228	Lưu Trung Hồng	Thư	14/10/1988						
41	211107238	Lê Thị Thùy	Tiên	06/10/1991						
42	211107251	Lê Thị Huyền	Trang	04/08/1994						
43	211107252	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/10/1985						
44	211107244	Nguyễn Băng	Trâm	02/02/1998						
45	211107246	Nguyễn Trần Khánh	Trân	21/11/1996						
46	211107245	Hạp Thị Ngọc	Trâm	29/07/1994						
47	211107254	Hồ Thị Thùy	Trinh	13/08/1994						
48	202107192	Huỳnh Thị Thảo	Trinh	18/06/1991						
49	211107256	Ngô Mai	Trinh	24/06/1997						
50	211107259	Lê Đan	Trường	26/09/1999						
51	211107271	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/03/1996						
52	211107266	Lê Minh	Tú	20/09/1998						
53	211107263	Nguyễn Hoàng	Tú	31/05/1997						
54	211107262	Nguyễn Khả	Tú	02/02/1994						
55	211107273	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	23/05/1994						
56	211107276	Mai Đỗ Tường	Vi	01/06/1993						
57	211107279	Nguyễn Thiên	Vũ	27/02/1991						
58	211107282	Huỳnh Vũ Khánh	Vy	18/07/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21DIINT60500301

Môn thi: **Tài chính quốc tế**

Mã ca thi: **THI198900**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **23/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111001	Cao Hoàng	An	16/01/1992						
2	211111004	Lê Tuấn	Anh	28/04/1995						
3	211111007	Hoàng Quốc	Bảo	28/11/1992						
4	211111006	Trần Lê Thiên	Bảo	28/09/1989						
5	211111011	Lê Hiếu Trung	Chánh	16/01/1996						
6	211111013	Nguyễn Đăng Bảo	Châu	27/06/1997						
7	211111016	Trịnh Lê Hoàng	Diễm	20/04/1998						
8	211111024	Lê Nhất Phương	Duy	21/11/1992						
9	211111023	Nguyễn Đức	Duy	07/08/1997						
10	211111027	Lưu Nguyễn	Duyên	13/12/1998						
11	211111021	Trần Tuấn	Đức	28/03/1997						
12	211111032	Phan Lưu Song	Hà	12/11/1998						
13	211111035	Nguyễn Thanh	Hải	09/12/1997						
14	211111037	Võ Thị Tuyết	Hạnh	13/04/1998						
15	211111036	Đoàn Kim	Hận	02/01/1995						
16	211111040	Dương Thị Thu	Hiền	05/10/1990						
17	211111041	Lương Thị Thu	Hiền	05/02/1999						
18	211111047	Phan Lan	Hương	22/06/1994						
19	211111058	Nguyễn Tấn	Khuong	02/10/1989						
20	211111063	Lê Nhật	Linh	31/01/1997						
21	201111035	Mai Xuân	Lịch	17/09/1992						Nợ HP
22	211111069	Đỗ Thụy Thúy	Mai	04/09/1987						
23	211111068	Phạm Thị	Mai	25/11/1997						
24	211111071	Huỳnh Thị Kiều	Mi	16/09/1998						
25	211111074	Nguyễn Thị Hồng	Nga	04/08/1996						
26	211111076	Lê Thị Thùy	Ngân	18/10/1997						
27	211111077	Lê Tuấn	Nghĩa	18/02/1996						
28	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						
29	211111078	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/11/1992						
30	211111081	Lưu Ngọc Kim	Nguyên	07/02/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111084	Nguyễn Hữu	Nhân	24/10/1996						
32	211111086	Lê Thị Cẩm	Nhung	01/09/1992						
33	211111088	Trần Văn	Ninh	04/03/1997						
34	211111089	Võ Thị Kim	Oanh	17/11/1992						
35	211111090	Nguyễn Ngọc	Ốn	19/09/1994						
36	211111091	Trần Thanh	Phong	08/09/1995						
37	211111095	Hoàng Thị	Phượng	26/05/1998						
38	211111102	Mai Thân Thủy	Quỳnh	04/05/1997						
39	211111101	Trương Nguyễn Như	Quỳnh	16/01/1999						
40	211111184	Yorn	Rortana	06/11/1992						Nợ HP
41	211111107	Bùi Thị	Tâm	03/03/1994						
42	211111109	Trương Thị	Tân	10/06/1994						
43	211111115	Hoàng Uyên	Thanh	08/12/1989						
44	211111111	Phan Thị	Thắm	01/01/1985						
45	211111127	Nguyễn Thị Lan	Thương	05/02/1989						
46	211111132	Huỳnh Tiến	Tín	09/12/1983						
47	211111133	Nguyễn Trung	Toán	10/07/1996						
48	211111139	Đoàn Nguyễn Việt	Trang	16/12/1991						
49	211111137	Hoàng Thị Thùy	Trang	28/08/1997						
50	211111141	Nguyễn Thị Đoan	Trang	04/05/1990						
51	211111142	Phan Thị Quyền	Trang	18/10/1992						
52	211111136	Trần Thị Thanh	Trâm	20/01/1994						
53	211111143	Đặng Nhật	Trường	04/01/1995						
54	211111149	Lê Hồng Phương	Tuyết	11/08/1990						
55	211111148	Nguyễn Tiến	Tùng	20/11/1991						
56	211111152	Trần Lê	Vi	28/09/1997						
57	211111154	Nguyễn Nữ Trúc	Vy	24/06/1998						
58	211111155	Nguyễn Hữu Khắc	Xuyên	10/12/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1OPE60201601

Môn thi: **Quản trị điều hành**

Mã ca thi: **THI198901**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **24/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107011	Đồng Thị Như	Anh	02/02/1980						
2	211107004	Nguyễn Minh Quốc	Anh	13/04/1997						
3	211107008	Nguyễn Vũ Phương	Anh	04/09/1994						
4	211107005	Trần Kim	Anh	05/04/1997						
5	211107010	Trần Thị Vân	Anh	09/05/1988						
6	211107017	Hứa Chấn	Bảo	01/09/1994						
7	211107018	Võ Trọng	Bình	07/03/1993						
8	211107020	Nguyễn Bảo	Chân	13/06/1992						
9	211107024	Lê Quang	Công	10/01/1988						
10	211107028	Hồ Văn	Cường	01/01/1991						
11	211107027	Nguyễn Duy	Cường	09/07/1998						
12	211107036	Nguyễn Kim	Dung	23/04/1997						
13	211107044	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/05/1996						
14	211107039	Trần Đại	Dương	03/04/1986						
15	211107045	Nguyễn Ngọc Tú	Em	28/02/1992						
16	211107052	Nguyễn Đăng	Hải	31/05/1988						Nợ HP
17	211107057	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/08/1989						
18	211107066	Nguyễn Công	Hậu	13/07/1995						
19	211107070	Huỳnh Thị	Hiền	15/07/1983						
20	211107068	Lê Thị Thúy	Hiền	06/03/1999						
21	211107075	Phan Hoàng	Hiếu	20/02/1998						
22	211107081	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/08/1988						
23	211107084	Nguyễn Văn	Huân	28/12/1987						
24	211107103	Vũ Thị Kim	Khánh	30/10/1986						
25	211107104	Ngô Đăng	Khoa	30/04/1994						
26	211107105	Thạch Minh	Khôi	02/06/1994						
27	211107107	Nguyễn Thị Bảo	Kim	12/08/1990						
28	211107112	Nguyễn Hồng	Linh	19/09/1990						
29	211107118	Nguyễn Hữu	Long	10/10/1992						
30	211107119	Lê Nguyễn Hoàng	Luân	26/06/1984						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211107122	Nguyễn Trúc	Ly	29/04/1995						
32	211107128	Phan Xuân	Mai	04/04/1996						
33	211107161	Bùi Thị Huỳnh	Như	11/11/1996						
34	211107169	Trần Văn	Phổ	08/12/1989						
35	211107172	Võ Hiếu	Phúc	17/02/1987						
36	211107181	Nguyễn Thị Trúc	Phương	25/11/1991						
37	211107178	Lê Trọng	Phước	19/05/1989						
38	211107195	Đoàn Đức	Quyền	13/11/1995						
39	211107197	Nguyễn Phụng	Quỳnh	01/07/1999						
40	211107198	Nguyễn Phước	Sang	18/07/1985						
41	211107199	Lê Thị Thanh	Tâm	26/09/1984						
42	211107200	Dương Công Nhật	Tân	29/09/1996						
43	211107209	Nguyễn Thị Thùy	Thanh	26/05/1989						
44	211107210	Tô Lê Minh	Thanh	29/10/1986						
45	211107223	Vũ Ngọc	Thịnh	07/09/1987						
46	211107234	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/1996						
47	211107231	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	06/05/1997						
48	211107240	Nguyễn Trung	Tín	12/08/1993						
49	211107241	Lương Hồng	Toàn	20/10/1994						
50	211107248	Đôn Thụy Thùy	Trang	01/01/1991						
51	211107243	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	20/10/1997						
52	211107257	Phan Thanh	Trúc	29/07/1994						
53	211107268	Nguyễn Thanh	Tuất	06/08/1994						
54	202107204	Lê Thị Thanh	Tuyền	20/02/1992						
55	211107269	Nguyễn Lê	Tùng	24/10/1994						
56	211107272	Võ Nhật	Uyên	22/11/1999						
57	211107275	Tiên Tuyết	Vi	15/11/1998						
58	211107277	Nguyễn Ngọc	Vinh	31/07/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60100205

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI198902**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **24/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111001	Cao Hoàng	An	16/01/1992						
2	211111025	Nguyễn Anh	Duy	15/11/1997						
3	211111023	Nguyễn Đức	Duy	07/08/1997						
4	211111028	Nguyễn Thị Bắc	Duyên	08/12/1993						
5	211111018	Lê Tuấn	Định	03/01/1997						
6	211111019	Mai Phước Mi	Đol	09/09/1990						
7	211111033	Phạm Thị Thanh	Hà	20/12/1981						
8	211111031	Trịnh Bích	Hà	27/08/1986						
9	211111041	Lương Thị Thu	Hiền	05/02/1999						
10	211111043	Nguyễn Hữu	Hiếu	13/09/1997						
11	211111044	Kiều Ngọc	Hoa	15/01/1984						
12	211111045	Đặng Vi Ngọc	Hoàng	12/08/1988						
13	211111049	Nguyễn	Huy	09/12/1996						
14	211111051	Trần Thị Thanh	Huyền	01/10/1997						
15	211111048	Nguyễn Thị Thanh	Hương	05/05/1997						
16	211111054	Tăng Trần Tấn	Khải	07/08/1980						
17	211111064	Đỗ Mai	Linh	29/10/1998						
18	7701280699A	Lại Thị Khánh	Linh	08/08/1994						
19	211111069	Đỗ Thụy Thúy	Mai	04/09/1987						
20	211111075	Lâm Tố	Nga	28/04/1998						
21	211111076	Lê Thị Thùy	Ngân	18/10/1997						
22	211111079	Đặng Thị Bích	Ngọc	15/05/1991						
23	211111078	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/11/1992						
24	211111085	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	06/06/1997						
25	211111087	Nguyễn Hồng	Nhung	01/02/1996						
26	211111088	Trần Văn	Ninh	04/03/1997						
27	211111089	Võ Thị Kim	Oanh	17/11/1992						
28	211111093	Lê Thanh	Phương	27/07/1975						
29	211111096	Lê Thị Bích	Phượng	08/12/1987						
30	211111102	Mai Thân Thủy	Quỳnh	04/05/1997						
31	211111108	Võ Duy	Tân	06/05/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111117	Nguyễn Ngọc	Thanh	29/05/1994						
33	211111116	Nguyễn Thị Đan	Thanh	28/12/1998						
34	201111079	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/02/1995						
35	211111119	Phạm Trần Thanh	Thi	01/03/1998						
36	211111121	Vũ Thị Thanh	Thu	09/09/1987						
37	211111125	Nguyễn Hữu	Thuận	02/11/1991						
38	211111123	Nguyễn Minh	Thư	02/04/1991						
39	211111126	Phan Trọng	Thức	03/01/1989						
40	211111131	Nguyễn Văn	Tiền	01/01/1997						
41	211111138	Nguyễn Thị Thanh	Trang	15/05/1995						
42	211111146	Nguyễn Minh	Tuấn	19/12/1994						
43	211111150	Phạm Thị	Vân	19/06/1998						
44	211111153	Nguyễn Thị Yến	Vương	16/10/1989						
45	211111154	Nguyễn Nữ Trúc	Vy	24/06/1998						
46	201111101	Trần Thị Ngọc	Yến	20/07/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1ADV60700501

Môn thi: **Kế toán tài chính cao cấp 2**

Mã ca thi: **THI198903**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114001	Nguyễn Thị	Biên	20/04/1985						
2	211114002	Phạm Ngọc Thiên	Chinh	18/08/1975						
3	211114007	Châu Minh	Dũng	06/05/1991						
4	211114009	Nguyễn Thị	Hằng	16/05/1985						
5	211114011	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	07/09/1985						
6	211114015	Lê Mạnh	Huy	31/08/1988						
7	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
8	211114017	Lê Thị	Huyền	22/08/1989						
9	211114013	Lê Thị Thanh	Hương	10/02/1984						
10	211114014	Trần Thu	Hường	12/11/1990						
11	211114018	Nguyễn Kim Hồng	Khuyên	25/10/1988						
12	211114020	Lý Ngọc	Lài	17/07/1987						
13	201114020	Huỳnh Thị Ngọc	Long	31/05/1992						
14	211114025	Nguyễn Bắc Tiến	Nam	20/08/1984						
15	211114026	Phan Thị Phương	Nam	04/03/1997						
16	211114029	Lê Thị	Nga	1980						
17	211114027	Nguyễn Thị	Nga	20/07/1989						
18	211114030	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	03/03/1998						
19	211114031	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/11/1998						
20	211114032	Trần Đại	Nghĩa	16/04/1998						
21	211114034	Phan Thị Thu	Nguyên	10/10/1990						
22	211114035	Tô Thủy Mỹ	Nguyên	02/06/1998						
23	202114067	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/03/1997						
24	201114028	Nguyễn Thị	Nhung	08/01/1997						
25	211114042	Phạm Ngọc Việt	Phương	04/06/1988						
26	211114038	Trương Thị Khánh	Phương	05/06/1998						
27	192114049	Hồ Thị Diễm	Phượng	18/06/1995						
28	211114046	Võ Ngọc	Thanh	21/04/1988						
29	NCS2020015	Đoàn Thị Thu	Thủy	01/11/1979						
30	211114056	Lê Ngọc Thảo	Trang	30/04/1996						
31	211114055	Nguyễn Hương	Trang	02/08/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211114054	Quách Tú	Trân	01/12/1991						
33	211114058	Bùi Lê Quốc	Trung	06/03/1983						
34	211114057	Nguyễn Châu Thủy	Trúc	28/01/1998						
35	211114060	Nguyễn Võ Như	Uyên	03/12/1991						
36	211114064	Phạm Thị Quỳnh	Vy	28/01/1998						
37	211114067	Dương Nguyễn Kim	Yến	26/11/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21DIINT60500302

Môn thi: **Tài chính quốc tế**

Mã ca thi: **THI198904**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111003	Nguyễn Thị Thu	Anh	13/04/1985						
2	211111010	Nguyễn Thị Mai	Ca	10/08/1995						
3	211111025	Nguyễn Anh	Duy	15/11/1997						
4	211111018	Lê Tuấn	Định	03/01/1997						
5	211111019	Mai Phước Mi	Đol	09/09/1990						
6	211111020	Nguyễn Phương	Đông	13/11/1992						
7	211111031	Trịnh Bích	Hà	27/08/1986						
8	211111038	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/10/1996						
9	211111039	Trà Thị Thu	Hiền	05/08/1997						
10	211111044	Kiều Ngọc	Hoa	15/01/1984						
11	211111045	Đặng Vi Ngọc	Hoàng	12/08/1988						
12	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
13	211111049	Nguyễn	Huy	09/12/1996						
14	211111050	Lê Vương Quốc Thúy	Huyền	27/02/1982						
15	211111048	Nguyễn Thị Thanh	Hương	05/05/1997						
16	211111054	Tăng Trần Tấn	Khải	07/08/1980						
17	211111057	Diệp Thị Đăng	Khoa	29/06/1996						
18	211111059	Phạm Phương	Lâm	12/04/1993						
19	211111075	Lâm Tố	Nga	28/04/1998						
20	211111085	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	06/06/1997						
21	211111087	Nguyễn Hồng	Nhung	01/02/1996						
22	211111093	Lê Thanh	Phượng	27/07/1975						
23	211111096	Lê Thị Bích	Phượng	08/12/1987						
24	211111105	Ngô Xuân	Sơn	11/01/1973						
25	211111117	Nguyễn Ngọc	Thanh	29/05/1994						
26	211111116	Nguyễn Thị Đan	Thanh	28/12/1998						
27	211111118	Nguyễn Hạ	Thảo	02/10/1994						
28	201111077	Nguyễn Ngọc	Thạch	07/10/1991						
29	211111119	Phạm Trần Thanh	Thi	01/03/1998						
30	211111123	Nguyễn Minh	Thư	02/04/1991						
31	211111122	Trần Thị Anh	Thư	10/03/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111126	Phan Trọng	Thức	03/01/1989						
33	211111140	Nguyễn Thị Kiều	Trang	06/09/1996						
34	211111138	Nguyễn Thị Thanh	Trang	15/05/1995						
35	211111146	Nguyễn Minh	Tuấn	19/12/1994						
36	211111153	Nguyễn Thị Yến	Vương	16/10/1989						
37	192111150	Nguyễn Cao Yến	Vy	12/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1CRI60200803

Môn thi: **Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề**

Mã ca thi: **THI198905**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107009	Phạm Đức	Anh	14/11/1997						
2	211107005	Trần Kim	Anh	05/04/1997						
3	211107003	Vũ Thị Hồng	Ân	11/04/1997						
4	211107019	Nguyễn Thị	Bình	27/04/1994						
5	211107023	Đặng Trần Mỹ	Chung	22/10/1997						
6	211107025	Lê Thị Ngọc	Cúc	31/10/1980						
7	211107031	Trương Hồng	Diệp	21/01/1983						
8	211107037	Nguyễn Đỗ Xuân	Dung	25/01/1987						
9	211107033	Nguyễn Thế Anh	Đức	27/09/1992						
10	211107062	Hoàng Nguyễn Quách	Hào	20/05/1998						
11	211107051	Ngô Thị Như	Hải	26/06/1995						
12	211107052	Nguyễn Đăng	Hải	31/05/1988						Nợ HP
13	211107057	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/08/1989						
14	211107056	Phạm Thị	Hạnh	23/11/1996						
15	211107060	Trần Thị Hồng	Hạnh	30/03/1997						
16	211107064	Bùi Đức	Hậu	05/11/1996						
17	211107067	Nguyễn Lê	Hiền	04/10/1988						
18	211107076	Hoàng Minh	Hiếu	03/06/1994						
19	211107073	Nguyễn Đức	Hiệp	27/02/1998						
20	211107084	Nguyễn Văn	Huân	28/12/1987						
21	211107090	Huỳnh Công	Hung	28/07/1991						
22	211107102	Phạm Chí	Kha	25/03/1994						
23	211107108	Lưu Quý	Kỳ	10/10/1989						
24	211107109	Nguyễn Đại	Lâm	13/10/1998						
25	211107121	Nguyễn Trường	Lưu	02/07/1995						
26	211107135	Lê Giang	Nam	04/10/1984						
27	211107141	Nguyễn Thị Giang	Ngân	29/11/1989						
28	211107140	Trần Thị Bích	Ngân	29/01/1995						
29	211107152	Nguyễn Vinh	Nguyên	28/11/1996						
30	211107154	Nguyễn Trí Thành	Nhân	15/05/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211107156	Trần Thanh	Nhi	06/10/1997						
32	211107167	Trần Minh Thục	Phán	11/01/1994						
33	211107170	Ngô Văn	Phú	20/12/1996						
34	211107173	Ngô Thị Kim	Phụng	16/07/1996						
35	211107183	Hàn Trọng	Phuong	05/03/1990						
36	211107186	Nguyễn Văn	Phuong	01/04/1978						
37	211107193	Trần Thụy Đỗ	Quyên	25/11/1993						
38	211107194	Truong Thị Lệ	Quyên	16/06/1989						
39	211107195	Đoàn Đức	Quyền	13/11/1995						
40	211107208	Nguyễn Quốc	Thanh	03/03/1995						
41	211107217	La Hồng Phương	Thảo	17/01/1998						Nợ HP
42	211107203	Ngô Anh Quốc	Thái	1983						
43	211107202	Tiêu Thành	Thái	05/07/1987						
44	211107204	Thái Văn	Thắng	15/03/1992						
45	211107206	Trần Văn	Thắng	28/12/1990						
46	211107227	Lê Minh	Thông	20/03/1997						
47	192107179	Lê Văn	Thuận	01/09/1986						
48	211107235	Nguyễn Thị Phương	Thủy	01/09/1997						
49	211107236	Trần Bích	Thủy	15/08/1978						
50	211107239	Trần Văn	Tiền	21/07/1974						
51	211107241	Lương Hồng	Toàn	20/10/1994						
52	211107249	Hồ Thị Thu	Trang	18/12/1985						
53	211107242	Trần Thị Thảo	Trâm	03/08/1978						
54	211107258	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	30/05/1995						
55	211107261	Nguyễn Hoàng Nguyên	Tú	02/04/1994						
56	211107280	Phạm Văn	Vương	12/11/1996						
57	211107283	Nguyễn Thị Thanh	Vy	22/06/1987						
58	211107281	Phạm Trần Tường	Vy	10/09/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1CRI60200805

Môn thi: **Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề**

Mã ca thi: **THI198906**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107001	Phạm Phú Thiên	An	24/11/1995						
2	211107016	Phạm Trần Xuân	Bảo	22/06/1993						
3	211107026	Nguyễn Nhật	Cường	01/01/1989						
4	211107043	Trần Võ Khắc	Duy	30/12/1995						
5	211107041	Lê Thị Thùy	Dương	26/01/1997						
6	211107030	Nguyễn Ngọc Trang	Đài	24/12/1995						
7	211107032	Hồ Gia Khánh	Định	15/10/1997						
8	211107034	Lâm	Đức	14/07/1985						
9	211107049	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14/06/1991						
10	211107063	Trần Thị Bích	Hảo	30/08/1985						
11	211107061	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	01/01/1988						
12	211107054	Võ Thị Phụng	Hằng	08/12/1994						
13	201107047	Đinh Vũ Ngọc	Hiền	19/06/1989						
14	211107069	Trần Thu	Hiền	18/11/1997						
15	211107075	Phan Hoàng	Hiếu	20/02/1998						
16	211107082	Chung Dao	Hồng	14/10/1990						
17	211107083	Lê Thị Thúy	Hồng	06/11/1983						
18	211107096	Hồ Thị Hồng	Huyền	16/10/1996						
19	211107100	Bùi Thị Thanh	Huyền	27/05/1998						
20	211107098	Nguyễn Thanh	Huyền	15/11/1989						
21	211107088	Nguyễn Việt	Hùng	23/01/1995						
22	211107086	Trần Hồng Quốc	Hùng	02/09/1993						
23	211107091	Huỳnh Lê	Hung	08/03/1989						
24	211107118	Nguyễn Hữu	Long	10/10/1992						
25	211107117	Huỳnh Trọng	Lợi	20/06/1987						
26	211107123	Đoàn Ly	Ly	05/04/1991						
27	211107130	Đào Lê Trúc	Mai	10/04/1997						
28	211107132	Bùi Hữu	Minh	01/06/1997						
29	211107136	Quách Khánh	Nam	08/09/1996						
30	211107137	Lê Nguyễn Thu	Nga	16/09/1994						
31	211107138	Trần Hồng	Nga	04/07/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107143	Nguyễn Lâm Phương	Ngân	31/08/1998						
33	211107145	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	30/10/1996						
34	211107149	Nguyễn Bảo	Ngọc	05/05/1999						
35	211107153	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/06/1998						
36	211107157	Trần Hoàng Anh	Nhi	23/08/1996						
37	211107162	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10/05/1997						
38	211107175	Nguyễn Anh	Phụng	29/05/1999						
39	211107182	Nguyễn Thị Nhất	Phương	18/06/1990						
40	211107189	Cao Minh	Quân	06/08/1993						
41	211107214	Bùi Ngọc	Thảo	20/01/1998						
42	211107213	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1996						
43	211107205	Hà Đức	Thắng	01/06/1994						
44	211107222	Nguyễn Viết	Thịnh	20/10/1992						
45	211107232	Nguyễn Thị Minh	Thuận	15/03/1985						
46	211107234	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/1996						
47	211107230	Trần Thị Thanh	Thư	21/05/1995						
48	211107250	Trần Thị Thùy	Trang	04/09/1998						
49	211107253	Nguyễn Minh	Trí	03/09/1998						
50	211107270	Nguyễn Thanh	Tuyền	20/08/1994						
51	211107264	Nguyễn Mai Thanh	Tú	16/12/1988						
52	211107274	Ngô Thị Hồng	Vện	15/03/1993						
53	211107278	Huỳnh Hoàng	Vũ	27/07/1982						
54	211107286	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	03/11/1999						
55	211107285	Nguyễn Thị Thanh	Vy	18/05/1989						
56	211107284	Trần Đắc Tường	Vy	21/10/1997						
57	211107288	Nguyễn Trang Xuân	Yến	03/01/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21DIINT60500303

Môn thi: **Tài chính quốc tế**

Mã ca thi: **THI198907**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111005	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	05/10/1989						
2	211111008	Nguyễn Thanh	Bình	10/11/1984						
3	211111009	Nguyễn Yên	Bình	03/05/1992						
4	211111014	Lê Thị Minh	Châu	15/11/1993						
5	211111015	Phạm Ngọc	Châu	12/04/1996						
6	211111012	Phạm Trần	Châu	14/09/1998						
7	211111017	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	30/09/1996						
8	211111026	Huỳnh Anh	Duy	31/07/1992						
9	211111028	Nguyễn Thị Bắc	Duyên	08/12/1993						
10	211111022	Phạm Thị Thùy	Dương	23/08/1991						
11	211111030	Vũ Thị	Giao	06/02/1993						
12	211111033	Phạm Thị Thanh	Hà	20/12/1981						
13	211111034	Nguyễn Thanh	Hải	16/06/1990						
14	211111043	Nguyễn Hữu	Hiếu	13/09/1997						
15	211111042	Nguyễn Trung	Hiếu	15/09/1990						
16	211111051	Trần Thị Thanh	Huyền	01/10/1997						
17	211111053	Đặng Nguyễn Như	Huỳnh	15/10/1993						
18	211111052	Nguyễn Huy	Huỳnh	01/02/1989						
19	211111046	Phạm Ngọc	Hưng	11/03/1994						
20	211111060	Phạm Thị Nhật	Lệ	07/06/1994						
21	211111062	Đinh Hoàng Bảo	Linh	20/10/1997						
22	211111064	Đỗ Mai	Linh	29/10/1998						
23	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
24	211111065	Kim Thanh	Long	09/04/1994						
25	211111066	Nguyễn Trí	Luật	14/11/1997						
26	211111073	Nguyễn Hải	Nam	02/08/1983						
27	211111079	Đặng Thị Bích	Ngọc	15/05/1991						
28	211111080	Hoàng Minh	Nguyên	01/07/1996						
29	211111082	Lê Nguyễn Đăng	Nguyên	20/10/1998						
30	211111083	Nguyễn Hữu	Nhân	06/05/1991						
31	211111094	Trần Thị Kim	Phương	08/01/1987						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111092	Nguyễn Thị Hồng	Phước	26/09/1998						
33	211111098	Lê Anh	Quốc	25/04/1999						
34	211111100	Phạm Bá	Quyền	13/10/1989						
35	211111099	Nguyễn Khâm	Quý	13/02/1994						
36	211111183	Trương Kim	Sang	08/11/1992						
37	211111103	Đặng Hoàng	Son	29/07/1998						
38	211111104	Nguyễn Hữu Nam	Son	18/03/1998						
39	211111106	Nguyễn Minh	Tâm	07/02/1992						
40	211111108	Võ Duy	Tân	06/05/1995						
41	211111114	Nguyễn Tâm	Thanh	13/10/1994						
42	211111110	Nguyễn Công	Thái	25/06/1975						
43	211111112	Thái Thị Ngọc	Thắm	14/11/1997						
44	211111120	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	24/10/1993						
45	211111121	Vũ Thị Thanh	Thu	09/09/1987						
46	211111125	Nguyễn Hữu	Thuận	02/11/1991						
47	211111128	Cao Thị Phương	Thúy	10/05/1989						
48	211111124	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/08/1991						
49	211111131	Nguyễn Văn	Tiền	01/01/1997						
50	202111113	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/10/1966						
51	211111145	Lê Công Quốc	Tuấn	19/06/1995						
52	211111147	Đỗ Thanh	Tùng	11/06/1997						
53	211111144	Nguyễn Minh	Tú	10/01/1994						
54	211111151	Tạ	Văn	04/01/1990						
55	211111150	Phạm Thị	Vân	19/06/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1CRI60200804

Môn thi: **Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề**

Mã ca thi: **THI198908**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107013	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	24/01/1998						
2	211107021	Ngô Minh	Châu	07/11/1988						
3	211107029	Nguyễn Phúc	Cường	04/07/1992						
4	211107040	Huỳnh Sơn	Dương	03/09/1993						
5	211107047	Nguyễn Hà	Giang	13/05/1987						
6	211107048	Nguyễn Thị Kim	Giao	23/03/1988						
7	211107050	Đông Hoàng	Hải	17/03/1993						
8	211107053	Đoàn Thị Thúy	Hằng	16/02/1990						
9	211107085	Lê Doãn	Huân	20/01/1993						
10	211107095	Nguyễn Huỳnh	Huy	11/11/1988						
11	211107093	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/09/1975						
12	211107111	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1995						
13	211107116	Võ Thúy	Linh	11/09/1985						
14	211107125	Đặng Thị Thúy	Mai	10/02/1996						
15	211107131	Võ Thị Thu	Miền	18/11/1993						
16	211107146	Lê Trọng	Nghĩa	16/10/1995						
17	211107160	Huỳnh Thị Phương	Nhi	20/12/1987						
18	211107158	Nguyễn Yến	Nhi	16/08/1999						
19	211107164	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/04/1987						
20	211107289	Xayyachack	Phaly	03/11/1987						
21	211107168	Huỳnh Tường	Phát	07/02/1985						
22	211107185	Trần Thị Mai	Phương	30/10/1989						
23	211107188	Vũ Hà	Phương	10/02/1994						
24	211107187	Vũ Thị Lan	Phương	25/07/1979						
25	211107191	Lê Nguyễn Nam	Quang	15/04/1998						
26	211107210	Tô Lê Minh	Thanh	29/10/1986						
27	211107211	Nguyễn Cao Chí	Thành	19/10/1998						
28	211107221	Hoàng Thị	Thiện	17/03/1993						
29	211107224	Trần Phước	Thọ	06/02/1993						
30	211107237	Trần Nguyễn Anh	Thy	22/05/1998						
31	211107247	Diệp Bảo	Trân	27/11/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107255	Bùi Ngọc Khánh	Trinh	19/07/1996						
33	211107260	Vũ Nhật	Trường	22/11/1992						
34	211107265	Lê Văn	Tú	22/05/1993						
35	201107146	Trần Cao	Vinh	02/01/1993						Nợ HP
36	211107287	Nguyễn Thị Như	Ý	19/04/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1ADV60700502

Môn thi: **Kế toán tài chính cao cấp 2**

Mã ca thi: **THI198909**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114003	Đặng Thị Thu	Diệu	12/07/1996						
2	211114004	Trần Kim	Diệu	08/04/1987						
3	211114005	Trần Thùy	Dung	11/05/1998						
4	211114010	Nguyễn Thị	Hiền	19/11/1981						
5	211114012	Bùi Minh	Huệ	17/07/1993						
6	211114019	Nguyễn Nhựt	Kiên	01/01/1987						
7	211114022	Lê Thị Kim	Luyến	12/10/1985						
8	211114023	Nguyễn Hồ Vương	Miên	19/10/1998						
9	211114024	Nguyễn Thị Ánh	Minh	15/07/1995						
10	211114028	Phạm Thị	Nga	10/03/1983						
11	211114033	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	25/10/1993						
12	211114040	Lâm Thị Hồng	Phương	22/03/1981						
13	211114036	Lê Hoàng Minh	Phương	29/02/1996						
14	211114037	Lê Hoàng Nguyên	Phương	29/02/1996						
15	211114041	Trần Khánh	Phương	06/02/1989						
16	211114039	Trương Thị	Phương	10/03/1989						
17	211114043	Đặng Vinh	Quang	07/03/1988						
18	211114044	Phạm Thị Phương	Quỳnh	13/03/1996						
19	211114045	Lê Hoàng	Sơn	24/08/1998						
20	211114048	Phan Thị	Thìn	12/07/1988						
21	211114049	Nguyễn Quốc	Thịnh	25/09/1970						
22	211114052	Nguyễn Thu	Thủy	09/12/1990						
23	211114051	Hồ Phùng Diễm	Thúy	01/11/1987						
24	211114050	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/02/1998						
25	211114053	Võ My Uyên	Trân	30/09/1996						
26	211114059	Nguyễn Thị Kim	Ứng	01/12/1998						
27	NCS2019020	Nguyễn Thị Thu	Vân	15/9/1980						
28	211114061	Phạm Thị	Việt	27/02/1988						
29	211114062	Đặng Thị	Vóc	16/04/1984						
30	211114063	Hoàng Đình	Vũ	24/09/1993						
31	211114066	Đàm Thanh	Xuân	04/02/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1ADV60900401

Môn thi: **Khai phá dữ liệu nâng cao**

Mã ca thi: **THI198910**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211118003	Nguyễn Trung	Duy	11/10/1995						
2	211118001	Nguyễn Giang	Đào	05/11/1990						
3	211118002	Nguyễn Anh Quốc	Đạt	08/09/1993						
4	211118004	Nguyễn Hồng	Hải	21/11/1997						
5	211118005	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/03/1985						
6	211118006	Cao Việt	Hùng	28/11/1992						
7	211118007	Nguyễn Huy	Khoa	16/11/1996						
8	211118008	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	16/06/1994						
9	211118009	Vũ Hoàng Hà	Linh	11/01/1989						
10	211118010	Quan Toại	Mẫn	11/10/1994						
11	211118011	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/04/1998						
12	211118012	Nguyễn Thanh	Tâm	31/08/1991						
13	211118013	Bùi Thị Kim	Thanh	24/09/1992						
14	211118014	Nguyễn Phan Chí	Thành	23/05/1983						
15	211118015	Lê Ngọc	Toàn	02/11/1994						
16	211118016	Trịnh Hoàng	Việt	10/10/1991						
17	211118017	Trần Hoàn	Vũ	30/07/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1OPE60201604

Môn thi: **Quản trị điều hành**

Mã ca thi: **THI198911**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **28/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107013	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	24/01/1998						
2	211107025	Lê Thị Ngọc	Cúc	31/10/1980						
3	211107029	Nguyễn Phúc	Cường	04/07/1992						
4	211107031	Trương Hồng	Diệp	21/01/1983						
5	211107033	Nguyễn Thế Anh	Đức	27/09/1992						
6	211107047	Nguyễn Hà	Giang	13/05/1987						
7	211107048	Nguyễn Thị Kim	Giao	23/03/1988						
8	211107062	Hoàng Nguyễn Quách	Hào	20/05/1998						
9	211107050	Đông Hoàng	Hải	17/03/1993						
10	211107056	Phạm Thị	Hạnh	23/11/1996						
11	211107053	Đoàn Thị Thúy	Hằng	16/02/1990						
12	211107064	Bùi Đức	Hậu	05/11/1996						
13	211107067	Nguyễn Lê	Hiền	04/10/1988						
14	211107076	Hoàng Minh	Hiếu	03/06/1994						
15	211107085	Lê Doãn	Huân	20/01/1993						
16	211107095	Nguyễn Huỳnh	Huy	11/11/1988						
17	211107102	Phạm Chí	Kha	25/03/1994						
18	211107108	Lưu Quý	Kỳ	10/10/1989						
19	211107111	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1995						
20	211107121	Nguyễn Trường	Lưu	02/07/1995						
21	211107141	Nguyễn Thị Giang	Ngân	29/11/1989						
22	211107140	Trần Thị Bích	Ngân	29/01/1995						
23	211107146	Lê Trọng	Nghĩa	16/10/1995						
24	211107152	Nguyễn Vinh	Nguyên	28/11/1996						
25	211107151	Nguyễn Trần Bá	Ngữ	03/11/1998						
26	211107154	Nguyễn Trí Thành	Nhân	15/05/1990						
27	211107156	Trần Thanh	Nhi	06/10/1997						
28	211107289	Xayyachack	Phaly	03/11/1987						
29	211107167	Trần Minh Thực	Phán	11/01/1994						
30	211107170	Ngô Văn	Phú	20/12/1996						
31	211107183	Hàn Trọng	Phương	05/03/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107186	Nguyễn Văn	Phuong	01/04/1978						
33	211107185	Trần Thị Mai	Phuong	30/10/1989						
34	211107188	Vũ Hà	Phuong	10/02/1994						
35	211107193	Trần Thụy Đỗ	Quyên	25/11/1993						
36	211107194	Trương Thị Lệ	Quyên	16/06/1989						
37	211107192	Huỳnh Văn	Quý	19/12/1996						
38	211107211	Nguyễn Cao Chí	Thành	19/10/1998						
39	211107204	Thái Văn	Thắng	15/03/1992						
40	211107206	Trần Văn	Thắng	28/12/1990						
41	211107224	Trần Phước	Thọ	06/02/1993						
42	211107227	Lê Minh	Thông	20/03/1997						
43	211107235	Nguyễn Thị Phương	Thủy	01/09/1997						
44	211107237	Trần Nguyễn Anh	Thy	22/05/1998						
45	211107238	Lê Thị Thủy	Tiên	06/10/1991						
46	211107249	Hồ Thị Thu	Trang	18/12/1985						
47	211107242	Trần Thị Thảo	Trâm	03/08/1978						
48	211107260	Vũ Nhật	Trường	22/11/1992						
49	211107267	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	29/10/1997						
50	211107265	Lê Văn	Tú	22/05/1993						
51	211107261	Nguyễn Hoàng Nguyên	Tú	02/04/1994						
52	211107280	Phạm Văn	Vương	12/11/1996						
53	211107282	Huỳnh Vũ Khánh	Vy	18/07/1995						
54	211107281	Phạm Trần Tường	Vy	10/09/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1MANP513201

Môn thi: **Quản trị nhân lực cơ sở y tế**

Mã ca thi: **THI198912**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **28/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211103001	Phan Vũ	Anh	17/07/1985						
2	211103002	Giang Thị Ngọc	Châu	16/03/1995						
3	211103004	Trần Thị Hương	Giang	10/10/1995						
4	211103005	Nguyễn Trung	Hiếu	24/06/1986						
5	211103006	Nguyễn Thanh	Hương	25/12/1973						
6	211103007	Nguyễn Thị Xuân	Hương	06/01/1990						
7	211103008	Trần Trí	Kiên	09/11/1986						
8	211103009	Lê Thùy	Linh	17/09/1994						
9	211103010	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	30/12/1993						
10	211103011	Trần Hồng Bảo	Ngọc	16/12/1991						
11	211103012	Huỳnh Lê Lưu	Phú	19/01/1990						
12	211103013	Lê Thị	Thảo	03/03/1993						
13	211103015	Phan Thị	Thom	09/01/1989						
14	211103016	Võ Chí	Thương	17/03/1996						
15	211103017	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/05/1992						
16	211103018	Trần Ngọc Như	Trang	23/07/1991						
17	211103019	Phạm Nữ Hiền	Vân	29/09/1989						
18	211103020	Bùi Quốc	Việt	15/07/1987						
19	211103021	Phạm Thị	Yến	06/05/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1GLO60300401

Môn thi: **Quản trị chiến lược toàn cầu**

Mã ca thi: **THI198913**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110001	Nguyễn Tuấn	Anh	04/04/1994						
2	211109001	Trương Ngọc	Anh	29/04/1989						
3	211110002	Lê Phạm Quốc	Bảo	23/04/1992						
4	211109004	Ngô Thị Xuân	Châu	16/03/1996						
5	211109003	Thạch Thị Diễm	Châu	02/12/1988						
6	211109005	Trần Thị Kim	Chung	05/06/1991						
7	211110004	Đào Trần Kim	Công	06/01/1998						
8	211110009	Phạm Hồng	Duy	26/01/1997						
9	211110006	Phan Minh	Đức	23/03/1997						
10	211109007	Lê Vũ Hương	Giang	08/10/1998						
11	211110011	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	07/03/1976						
12	211109009	Lê Thị Ngọc	Hân	18/11/1997						
13	211109011	Nguyễn Phước	Hưng	04/01/1999						
14	211109012	Chu Việt	Khoa	26/01/1986						
15	211109013	Phan Hương	Lan	05/06/1998						
16	211110015	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1998						
17	211110017	Đoàn Thị Mỹ	Linh	03/12/1999						
18	211109015	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	29/06/1997						
19	211109017	Phạm Phương	Linh	14/03/1999						
20	211109016	Phùng Ngọc	Linh	23/11/1997						
21	211109018	Lê Thị Ái	Ly	20/11/1993						
22	211109019	Nguyễn Thị Hồng	Mai	12/10/1995						
23	211109020	Phạm Thị Trúc	Mi	14/01/1994						Nợ HP
24	211109021	Phan Nhựt	Minh	14/08/1998						
25	211109023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/06/1995						
26	211110019	Đặng Thị Thảo	Nguyên	09/05/1991						
27	211110022	Lâm Mỹ	Phúc	08/07/1992						
28	211109025	Trần Hoàng	Phúc	14/12/1996						
29	211109029	Đinh Thị Bảo	Phương	12/05/1995						
30	211109030	Vũ Ngọc Như	Quỳnh	12/08/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211110024	Trần Hán	Sanh	21/01/1998						
32	211110025	Thái Hồng	Son	10/05/1998						
33	211109031	Phạm Thị	Thảo	19/09/1995						
34	211109035	Đặng Ngọc Mai	Thị	05/08/1999						
35	211109037	Lâm Khiết	Thịnh	10/09/1997						
36	211109038	Nguyễn Diệp	Thịnh	03/04/1981						
37	211109042	Trần Lê Chung	Thủy	13/12/1995						
38	211110028	Lê Thị Anh	Thư	10/01/1997						
39	211109039	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/1999						
40	211109040	Phạm Thị Minh	Thư	27/12/1996						
41	211109041	Lê Thị	Thương	28/10/1997						
42	211110029	Nguyễn Thị Mai	Thương	01/04/1997						
43	211109044	Ninh Thị	Toàn	08/03/1994						
44	211109043	Trần Nguyễn Khánh	Toàn	23/05/1996						
45	211109046	Nguyễn Dương Thùy	Trang	08/05/1994						
46	211110034	Phạm Thị Minh	Trang	18/10/1990						
47	211110033	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	15/12/1991						
48	211109045	Trần Ngọc Bảo	Trân	23/08/1992						
49	211110035	Trần Thanh	Trúc	29/09/1979						
50	211110036	Nguyễn Đoàn Thanh	Uyên	02/12/1996						
51	211110037	Nguyễn Lý Nhã	Uyên	25/05/1998						
52	211109051	Diệp Thảo	Vân	15/06/1996						
53	211110038	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/1981						
54	211109053	Mai Xuân	Vũ	17/01/1997						
55	211110039	Cao Thị Kim	Yến	21/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1MUL60300301

Môn thi: **Quản trị tài chính đa quốc gia**

Mã ca thi: **THI198914**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110001	Nguyễn Tuấn	Anh	04/04/1994						
2	211109001	Trương Ngọc	Anh	29/04/1989						
3	211110002	Lê Phạm Quốc	Bảo	23/04/1992						
4	211109004	Ngô Thị Xuân	Châu	16/03/1996						
5	211109003	Thạch Thị Diễm	Châu	02/12/1988						
6	211109005	Trần Thị Kim	Chung	05/06/1991						
7	211110004	Đào Trần Kim	Công	06/01/1998						
8	211110009	Phạm Hồng	Duy	26/01/1997						
9	211110006	Phan Minh	Đức	23/03/1997						
10	211109007	Lê Vũ Hương	Giang	08/10/1998						
11	211110011	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	07/03/1976						
12	211109009	Lê Thị Ngọc	Hân	18/11/1997						
13	211109011	Nguyễn Phước	Hưng	04/01/1999						
14	211109012	Chu Việt	Khoa	26/01/1986						
15	211109013	Phan Hương	Lan	05/06/1998						
16	211110015	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1998						
17	211110017	Đoàn Thị Mỹ	Linh	03/12/1999						
18	211109015	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	29/06/1997						
19	211109017	Phạm Phương	Linh	14/03/1999						
20	211109016	Phùng Ngọc	Linh	23/11/1997						
21	211109018	Lê Thị Ái	Ly	20/11/1993						
22	211109019	Nguyễn Thị Hồng	Mai	12/10/1995						
23	211109020	Phạm Thị Trúc	Mi	14/01/1994						Nợ HP
24	211109021	Phan Nhựt	Minh	14/08/1998						
25	211109023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/06/1995						
26	211110019	Đặng Thị Thảo	Nguyên	09/05/1991						
27	211110022	Lâm Mỹ	Phúc	08/07/1992						
28	211109025	Trần Hoàng	Phúc	14/12/1996						
29	211109029	Đinh Thị Bảo	Phương	12/05/1995						
30	202109029	Phạm Hoài	Phương	05/09/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211109030	Vũ Ngọc Như	Quỳnh	12/08/1997						
32	211110024	Trần Hán	Sanh	21/01/1998						
33	211110025	Thái Hồng	Son	10/05/1998						
34	211109031	Phạm Thị	Thảo	19/09/1995						
35	211109035	Đặng Ngọc Mai	Thi	05/08/1999						
36	211109037	Lâm Khiết	Thịnh	10/09/1997						
37	211109038	Nguyễn Diệp	Thịnh	03/04/1981						
38	211109042	Trần Lê Chung	Thủy	13/12/1995						
39	211110028	Lê Thị Anh	Thư	10/01/1997						
40	211109039	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/1999						
41	211109040	Phạm Thị Minh	Thư	27/12/1996						
42	211109041	Lê Thị	Thương	28/10/1997						
43	211110029	Nguyễn Thị Mai	Thương	01/04/1997						
44	211109044	Ninh Thị	Toàn	08/03/1994						
45	211109043	Trần Nguyễn Khánh	Toàn	23/05/1996						
46	211109046	Nguyễn Dương Thùy	Trang	08/05/1994						
47	211110034	Phạm Thị Minh	Trang	18/10/1990						
48	211110033	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	15/12/1991						
49	211109045	Trần Ngọc Bảo	Trân	23/08/1992						
50	211110035	Trần Thanh	Trúc	29/09/1979						
51	211110036	Nguyễn Đoàn Thanh	Uyên	02/12/1996						
52	211110037	Nguyễn Lý Nhã	Uyên	25/05/1998						
53	211109051	Diệp Thảo	Vân	15/06/1996						
54	211110038	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/1981						
55	211109053	Mai Xuân	Vũ	17/01/1997						
56	211110039	Cao Thị Kim	Yến	21/10/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1GLO60300402

Môn thi: **Quản trị chiến lược toàn cầu**

Mã ca thi: **THI198915**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110041	Lim	Chhivith	16/03/1995						
2	211110003	Đoàn Huỳnh	Chương	20/12/1994						
3	211110005	Nguyễn Huỳnh Trường	Duân	16/02/1994						
4	211110007	Lê Thị Hạnh	Dung	30/04/1989						
5	211110008	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	29/08/1984						
6	211109008	Lê Thanh	Hà	08/11/1993						
7	211109010	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/06/1991						
8	211110012	Châu	Hiển	14/11/1996						
9	202110009	Lê Thúc	Hiệp	12/08/1991						
10	211110014	Nguyễn Công	Hoàng	19/05/1994						
11	211110013	Trương Đỗ	Hoàng	08/02/1983						
12	211109014	Bùi Thị	Linh	20/05/1995						
13	211110016	Đinh Hoàng Khánh	Linh	20/01/1998						
14	211110018	Nguyễn Thị Mai	Ly	07/11/1999						
15	211109022	Trần Ngọc Phương	Minh	01/10/1996						
16	211110020	Phan Thanh	Nhân	28/09/1997						
17	211109026	Nguyễn Thiên Sinh	Phúc	06/01/1998						
18	211109028	Ngô Minh	Phương	25/06/1995						
19	211109027	Trần	Phương	28/03/1990						
20	211110042	Doung	Sokhana	15/02/1997						
21	211109034	Lê Phúc Thanh	Thảo	19/05/1996						
22	211109032	Nguyễn Ngọc Vân	Thảo	20/09/1988						
23	211109033	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/02/1984						
24	211110026	Tô Trúc	Thảo	20/11/1994						
25	211109036	Phan Hồng	Thiên	25/05/1988						
26	211110027	Phạm Tiến	Thịnh	04/11/1996						
27	201110014	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thy	15/01/1993						
28	211110032	Nguyễn Thị	Tình	22/05/1988						
29	211109050	Lý Thị Minh	Tuyền	22/01/1984						
30	211109047	Dương Duy	Tùng	12/11/1998						
31	211109048	Nguyễn Cát	Tường	02/05/1999						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211109052	Lý Hưng	Vinh	29/05/1989						
33	211109054	Võ Nguyễn Tường	Vy	01/12/1998						
34	211109056	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	21/06/1997						
35	211110040	Hoàng Hải	Yến	17/11/1986						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1MUL60300302

Môn thi: **Quản trị tài chính đa quốc gia**

Mã ca thi: **THI198916**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211110041	Lim	Chhivith	16/03/1995						
2	211110003	Đoàn Huỳnh	Chương	20/12/1994						
3	211110005	Nguyễn Huỳnh Trường	Duân	16/02/1994						
4	211110007	Lê Thị Hạnh	Dung	30/04/1989						
5	211110008	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	29/08/1984						
6	211109008	Lê Thanh	Hà	08/11/1993						
7	211109010	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/06/1991						
8	211110012	Châu	Hiển	14/11/1996						
9	211110014	Nguyễn Công	Hoàng	19/05/1994						
10	211109014	Bùi Thị	Linh	20/05/1995						
11	211110016	Đinh Hoàng Khánh	Linh	20/01/1998						
12	211110018	Nguyễn Thị Mai	Ly	07/11/1999						
13	211109022	Trần Ngọc Phương	Minh	01/10/1996						
14	192110014	Nguyễn Hữu Bá	Nam	20/10/1984						
15	211109026	Nguyễn Thiên Sinh	Phúc	06/01/1998						
16	211109028	Ngô Minh	Phương	25/06/1995						
17	211109027	Trần	Phương	28/03/1990						
18	211110042	Doung	Sokhana	15/02/1997						
19	211109034	Lê Phúc Thanh	Thảo	19/05/1996						
20	211109032	Nguyễn Ngọc Vân	Thảo	20/09/1988						
21	211109033	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/02/1984						
22	211110026	Tô Trúc	Thảo	20/11/1994						
23	211109036	Phan Hồng	Thiên	25/05/1988						
24	211110027	Phạm Tiến	Thịnh	04/11/1996						
25	211110032	Nguyễn Thị	Tình	22/05/1988						
26	211109050	Lý Thị Minh	Tuyền	22/01/1984						
27	211109047	Dương Duy	Tùng	12/11/1998						
28	211109048	Nguyễn Cát	Tường	02/05/1999						
29	211109052	Lý Hưng	Vinh	29/05/1989						
30	211109054	Võ Nguyễn Tường	Vy	01/12/1998						
31	211109056	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	21/06/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211110040	Hoàng Hải	Yến	17/11/1986						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21DIINT60500304

Môn thi: **Tài chính quốc tế**

Mã ca thi: **THI198917**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111156	Lê Nguyễn Phước	An	24/09/1987						Nợ HP
2	211111158	Đỗ Vũ Tuấn	Anh	18/09/1981						Nợ HP
3	211111157	Lê Thị Kim	Anh	05/06/1983						Nợ HP
4	211111159	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	02/09/1982						Nợ HP
5	211111162	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	25/01/1981						Nợ HP
6	211111163	Phạm Thị Thùy	Dương	01/07/1985						Nợ HP
7	211111160	Văn Minh	Điền	18/12/1983						Nợ HP
8	211111161	Phạm Trần Minh	Đông	13/03/1991						
9	211111164	Trần Xuân	Hoàng	30/06/1992						Nợ HP
10	211111166	Trịnh Thị Tuyết	Lan	14/11/1983						
11	211111167	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/12/1980						Nợ HP
12	211111168	Đặng Quang	Minh	24/09/1987						Nợ HP
13	211111169	Lê Hoàng	Nam	17/09/1986						Nợ HP
14	211111170	Lương Thị Hằng	Nga	29/08/1988						Nợ HP
15	211111172	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Ngân	13/08/1989						Nợ HP
16	211111171	Nguyễn Phương	Ngân	09/10/1989						Nợ HP
17	211111173	Trần Thị Ngọc	Phương	12/10/1989						Nợ HP
18	211111174	Đồng Phúc	Thiện	18/10/1991						Nợ HP
19	211111175	Trần Thị Thanh	Thủy	11/11/1986						Nợ HP
20	211111176	Đỗ Huyền Kim	Thy	05/12/1985						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
21	211111177	Phạm Thị Bích	Tiền	06/06/1986						Nợ HP
22	211111179	Lê Thụy Thùy	Trang	26/03/1981						Nợ HP
23	211111178	Nguyễn Quốc	Trâm	14/10/1981						Nợ HP
24	211111180	Phạm Thị Ngọc	Trình	06/02/1991						Nợ HP
25	211111181	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	02/08/1985						Nợ HP
26	211111182	Nguyễn Trịnh Kim	Yên	16/09/1983						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STA60102201

Môn thi: **Phương pháp thống kê cho y tế**

Mã ca thi: **THI198920**

Thời gian thi:

Giờ thi: **06g45**

Ngày thi: **25/12/2021**

Phòng thi: **BOX-02**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211103001	Phan Vũ	Anh	17/07/1985						
2	211103002	Giang Thị Ngọc	Châu	16/03/1995						
3	211103004	Trần Thị Hương	Giang	10/10/1995						
4	211103005	Nguyễn Trung	Hiếu	24/06/1986						
5	211103006	Nguyễn Thanh	Hương	25/12/1973						
6	211103007	Nguyễn Thị Xuân	Hương	06/01/1990						
7	211103008	Trần Trí	Kiên	09/11/1986						
8	211103009	Lê Thùy	Linh	17/09/1994						
9	211103010	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	30/12/1993						
10	211103011	Trần Hồng Bảo	Ngọc	16/12/1991						
11	211103012	Huỳnh Lê Lưu	Phú	19/01/1990						
12	211103013	Lê Thị	Thảo	03/03/1993						
13	211103015	Phan Thị	Thom	09/01/1989						
14	211103016	Võ Chí	Thương	17/03/1996						
15	211103017	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/05/1992						
16	211103018	Trần Ngọc Như	Trang	23/07/1991						
17	211103019	Phạm Nữ Hiền	Vân	29/09/1989						
18	211103020	Bùi Quốc	Việt	15/07/1987						
19	211103021	Phạm Thị	Yến	06/05/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60500602

Môn thi: **Đầu tư tài chính**

Mã ca thi: **THI198922**

Thời gian thi:

Giờ thi: **12g30**

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi: **BOX-03**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111003	Nguyễn Thị Thu	Anh	13/04/1985						
2	201111010	Trần Quốc	Cường	15/10/1992						
3	211111025	Nguyễn Anh	Duy	15/11/1997						
4	211111028	Nguyễn Thị Bắc	Duyên	08/12/1993						
5	211111018	Lê Tuấn	Định	03/01/1997						
6	211111031	Trịnh Bích	Hà	27/08/1986						
7	211111038	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/10/1996						
8	192111032	Châu Kim	Hiền	12/08/1994						
9	211111039	Trà Thị Thu	Hiền	05/08/1997						
10	211111044	Kiều Ngọc	Hoa	15/01/1984						
11	211111045	Đặng Vi Ngọc	Hoàng	12/08/1988						
12	211111049	Nguyễn	Huy	09/12/1996						
13	211111050	Lê Vương Quốc Thúy	Huyền	27/02/1982						
14	201111027	Lê Quang	Hung	15/09/1997						
15	201111029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/08/1992						
16	211111048	Nguyễn Thị Thanh	Hương	05/05/1997						
17	211111054	Tăng Trần Tấn	Khải	07/08/1980						
18	202111051	Uông Tùng	Khánh	15/11/1993						
19	201111032	Trịnh Thị Xuân	Khuê	22/03/1990						
20	211111059	Phạm Phương	Lâm	12/04/1993						
21	211111064	Đỗ Mai	Linh	29/10/1998						
22	211111087	Nguyễn Hồng	Nhung	01/02/1996						
23	201111064	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	01/01/1995						
24	211111093	Lê Thanh	Phương	27/07/1975						
25	211111094	Trần Thị Kim	Phương	08/01/1987						
26	211111096	Lê Thị Bích	Phượng	08/12/1987						
27	211111184	Yorn	Rortana	06/11/1992						Nợ HP
28	211111105	Ngô Xuân	Son	11/01/1973						
29	211111104	Nguyễn Hữu Nam	Son	18/03/1998						
30	201111076	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/10/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111108	Võ Duy	Tân	06/05/1995						
32	211111117	Nguyễn Ngọc	Thanh	29/05/1994						
33	211111116	Nguyễn Thị Đan	Thanh	28/12/1998						
34	192111102	Nguyễn Khoa Diệu	Thái	01/01/1993						
35	201111077	Nguyễn Ngọc	Thạch	07/10/1991						
36	211111121	Vũ Thị Thanh	Thu	09/09/1987						
37	201111085	Vũ Thị	Thúy	23/04/1979						
38	211111123	Nguyễn Minh	Thư	02/04/1991						
39	211111122	Trần Thị Anh	Thư	10/03/1998						
40	211111126	Phan Trọng	Thức	03/01/1989						
41	211111131	Nguyễn Văn	Tiền	01/01/1997						
42	211111138	Nguyễn Thị Thanh	Trang	15/05/1995						
43	211111146	Nguyễn Minh	Tuấn	19/12/1994						
44	201111097	Mạc Phương	Uyên	09/06/1997						
45	211111153	Nguyễn Thị Yến	Vương	16/10/1989						
46	192111150	Nguyễn Cao Yến	Vy	12/02/1995						
47	201111101	Trần Thị Ngọc	Yến	20/07/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60500604

Môn thi: **Đầu tư tài chính**

Mã ca thi: **THI198923**

Thời gian thi:

Giờ thi: **12g30**

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi: **BOX-04**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111156	Lê Nguyễn Phước	An	24/09/1987						Nợ HP
2	211111158	Đỗ Vũ Tuấn	Anh	18/09/1981						Nợ HP
3	211111157	Lê Thị Kim	Anh	05/06/1983						Nợ HP
4	211111159	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	02/09/1982						Nợ HP
5	211111162	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	25/01/1981						Nợ HP
6	211111163	Phạm Thị Thùy	Dương	01/07/1985						Nợ HP
7	211111160	Văn Minh	Điền	18/12/1983						Nợ HP
8	211111161	Phạm Trần Minh	Đông	13/03/1991						
9	211111164	Trần Xuân	Hoàng	30/06/1992						Nợ HP
10	211111166	Trịnh Thị Tuyết	Lan	14/11/1983						
11	211111167	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/12/1980						Nợ HP
12	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
13	202111065	Nguyễn Thị Tuyết	Ly	11/04/1991						Nợ HP
14	211111168	Đặng Quang	Minh	24/09/1987						Nợ HP
15	211111169	Lê Hoàng	Nam	17/09/1986						Nợ HP
16	211111170	Lương Thị Hằng	Nga	29/08/1988						Nợ HP
17	211111172	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Ngân	13/08/1989						Nợ HP
18	211111171	Nguyễn Phương	Ngân	09/10/1989						Nợ HP
19	211111173	Trần Thị Ngọc	Phương	12/10/1989						Nợ HP
20	211111174	Đồng Phúc	Thiện	18/10/1991						Nợ HP
21	211111175	Trần Thị Thanh	Thủy	11/11/1986						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
22	211111176	Đỗ Huyền Kim	Thy	05/12/1985						Nợ HP
23	211111177	Phạm Thị Bích	Tiền	06/06/1986						Nợ HP
24	211111179	Lê Thụy Thùy	Trang	26/03/1981						Nợ HP
25	211111178	Nguyễn Quốc	Trầm	14/10/1981						Nợ HP
26	211111180	Phạm Thị Ngọc	Trình	06/02/1991						Nợ HP
27	211111181	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	02/08/1985						Nợ HP
28	211111182	Nguyễn Trịnh Kim	Yến	16/09/1983						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60500601

Môn thi: **Đầu tư tài chính**

Mã ca thi: **THI198926**

Thời gian thi:

Giờ thi: **12g30**

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111001	Cao Hoàng	An	16/01/1992						
2	211111004	Lê Tuấn	Anh	28/04/1995						
3	211111007	Hoàng Quốc	Bảo	28/11/1992						
4	211111006	Trần Lê Thiên	Bảo	28/09/1989						
5	211111011	Lê Hiếu Trung	Chánh	16/01/1996						
6	211111013	Nguyễn Đăng Bảo	Châu	27/06/1997						
7	211111016	Trịnh Lê Hoàng	Diễm	20/04/1998						
8	211111024	Lê Nhất Phương	Duy	21/11/1992						
9	211111023	Nguyễn Đức	Duy	07/08/1997						
10	211111027	Lưu Nguyễn	Duyên	13/12/1998						
11	211111019	Mai Phước Mi	Đol	09/09/1990						
12	211111021	Trần Tuấn	Đức	28/03/1997						
13	211111032	Phan Lưu Song	Hà	12/11/1998						
14	211111035	Nguyễn Thanh	Hải	09/12/1997						
15	211111037	Võ Thị Tuyết	Hạnh	13/04/1998						
16	211111036	Đoàn Kim	Hận	02/01/1995						
17	211111040	Dương Thị Thu	Hiền	05/10/1990						
18	211111041	Lương Thị Thu	Hiền	05/02/1999						
19	211111057	Diệp Thị Đăng	Khoa	29/06/1996						
20	211111058	Nguyễn Tấn	Khương	02/10/1989						
21	211111062	Đinh Hoàng Bảo	Linh	20/10/1997						
22	211111063	Lê Nhật	Linh	31/01/1997						
23	211111069	Đỗ Thụy Thúy	Mai	04/09/1987						
24	211111068	Phạm Thị	Mai	25/11/1997						
25	211111071	Huỳnh Thị Kiều	Mi	16/09/1998						
26	211111075	Lâm Tổ	Nga	28/04/1998						
27	211111074	Nguyễn Thị Hồng	Nga	04/08/1996						
28	211111076	Lê Thị Thùy	Ngân	18/10/1997						
29	211111077	Lê Tuấn	Nghĩa	18/02/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60500601

Môn thi: **Đầu tư tài chính**

Mã ca thi: **THI198927**

Thời gian thi:

Giờ thi: **12g30**

Ngày thi: **26/12/2021**

Phòng thi: **BOX-02**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
30	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						
31	211111078	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/11/1992						
32	211111081	Lưu Ngọc Kim	Nguyên	07/02/1996						
33	211111084	Nguyễn Hữu	Nhân	24/10/1996						
34	211111088	Trần Văn	Ninh	04/03/1997						
35	211111089	Võ Thị Kim	Oanh	17/11/1992						
36	211111090	Nguyễn Ngọc	On	19/09/1994						
37	211111091	Trần Thanh	Phong	08/09/1995						
38	211111095	Hoàng Thị	Phượng	26/05/1998						
39	211111102	Mai Thân Thủy	Quỳnh	04/05/1997						
40	211111101	Trương Nguyễn Như	Quỳnh	16/01/1999						
41	211111107	Bùi Thị	Tâm	03/03/1994						
42	211111109	Trương Thị	Tân	10/06/1994						
43	211111115	Hoàng Uyên	Thanh	08/12/1989						
44	211111111	Phan Thị	Thắm	01/01/1985						
45	211111125	Nguyễn Hữu	Thuận	02/11/1991						
46	211111127	Nguyễn Thị Lan	Thương	05/02/1989						
47	211111132	Huỳnh Tiến	Tín	09/12/1983						
48	211111133	Nguyễn Trung	Toán	10/07/1996						
49	211111139	Đoàn Nguyễn Việt	Trang	16/12/1991						
50	211111137	Hoàng Thị Thùy	Trang	28/08/1997						
51	211111141	Nguyễn Thị Doan	Trang	04/05/1990						
52	211111136	Trần Thị Thanh	Trâm	20/01/1994						
53	211111143	Đặng Nhật	Trường	04/01/1995						
54	211111149	Lê Hồng Phương	Tuyết	11/08/1990						
55	211111148	Nguyễn Tiến	Tùng	20/11/1991						
56	211111152	Trần Lê	Vi	28/09/1997						
57	211111154	Nguyễn Nữ Trúc	Vy	24/06/1998						
58	211111155	Nguyễn Hữu Khắc	Xuyên	10/12/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CINT60701101

Môn thi: **Kế toán quốc tế**

Mã ca thi: **THI198928**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114015	Nguyễn Thị Khánh	Dung	04/08/1988						
2	202114017	Nguyễn Thanh	Duy	02/02/1996						
3	202114019	Trần Khánh	Duy	30/04/1993						
4	202114010	Nguyễn Thị	Đàm	12/01/1994						
5	202114014	Trần Thị Hồng	Đức	06/08/1995						
6	202114026	Đào Văn	Hảo	31/01/1987						
7	202114024	Đoàn Thị	Hằng	10/05/1995						
8	202114022	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10/12/1987						
9	202114029	Lê Trần Thanh	Hiền	02/02/1993						
10	202114032	Nguyễn Thị	Hòa	07/10/1995						Nợ HP
11	202114041	Nguyễn Văn	Huy	23/06/1998						
12	202114038	Lê Thị	Hương	22/12/1994						
13	202114039	Nguyễn Thị Kim	Hường	17/06/1994						
14	202114046	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/03/1989						
15	202114045	Phạm Phú Phương	Linh	20/11/1996						
16	202114044	Trịnh Thị Trúc	Linh	26/05/1994						
17	202114051	Hồ Thị Ngọc	Mai	07/01/1987						
18	201114023	Hồ Thị Tuyết	Mai	01/03/1987						
19	202114056	Trần Thị	Mộng	14/06/1989						
20	202114059	Huỳnh Hà Bảo	Ngọc	27/10/1993						
21	202114060	Nguyễn Thị	Ngọc	20/01/1997						
22	202114063	Nguyễn Thị	Nhàn	24/10/1994						
23	202114066	Phan Thảo	Nhi	21/02/1998						
24	202114068	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/08/1996						
25	202114073	Danh Sơn Ngọc	Phương	24/10/1995						
26	202114072	Nguyễn Lê Minh	Phương	22/12/1980						
27	202114071	Nguyễn Thị Thanh	Phương	22/12/1994						
28	202114078	Đặng Hải	Sơn	25/12/1995						
29	202114085	Lưu Thị Thanh	Thảo	21/06/1996						
30	202114083	Tạ Thị Thanh	Thảo	13/12/1981						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	202114084	Trần Thị Thu	Thảo	02/06/1991						
32	202114086	Phạm Tạ Thu	Thâu	10/01/1984						
33	202114089	Hoàng Thị Bích	Thủy	29/05/1985						
34	202114088	Tôn Nữ Anh	Thư	19/11/1997						
35	202114091	Võ Thị Đức	Toàn	10/05/1994						
36	202114093	Quách Thị Thùy	Trang	17/03/1995						
37	202114094	Hoàng Nguyễn Quốc	Trí	06/11/1997						
38	202114098	Nguyễn Thị Tường	Vi	24/12/1990						
39	202114099	Tiêu Hoàng	Vũ	07/01/1983						
40	202114100	Võ Thị Trường	Vy	31/05/1993						
41	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
42	202114101	Đặng Ngọc Thảo	Yên	23/04/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500503

Môn thi: **Quản trị rủi ro tài chính**

Mã ca thi: **THI198929**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111004	Phạm Nguyễn Trang	Anh	03/05/1998						
2	202111009	Lê Ngọc	Ánh	12/09/1990						
3	202111008	Võ Thị Ngọc	Ánh	20/02/1997						
4	202111014	Đậu Văn	Chung	07/12/1995						
5	202111017	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	09/11/1984						
6	202111018	Bùi Huỳnh Mỹ	Dung	10/08/1985						
7	202111022	Phạm Mĩ	Duyên	20/10/1994						
8	202111019	Trịnh Đình Hồng	Dương	23/05/1998						
9	202111033	Diệp Thị	Hiền	10/05/1996						
10	202111030	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	11/06/1996						
11	202111130	Nguyễn Minh	Hoàng	08/12/1997						
12	202111044	Đinh Việt	Hùng	02/05/1997						
13	202111046	Nguyễn Thị Lan	Hương	03/08/1997						
14	202111051	Uông Tùng	Khánh	15/11/1993						
15	202111058	Thái Thị Lý	Lành	30/07/1994						
16	202111060	Nguyễn Mai Kim	Liên	18/05/1996						
17	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
18	202111062	Nguyễn Thị Kim	Loan	20/08/1985						
19	202111065	Nguyễn Thị Tuyết	Ly	11/04/1991						Nợ HP
20	202111064	Phan Khánh	Ly	10/02/1993						
21	202111072	Phan Trọng	Nghĩa	25/12/1998						
22	202111071	Lê Thị Thanh	Nghị	27/04/1995						
23	202111081	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/04/1997						
24	201111067	Đào Thanh	Phong	19/03/1997						
25	202111084	Ngô Châu	Phú	10/06/1988						
26	202111088	Nguyễn Thanh Trúc	Quỳnh	12/07/1997						
27	192111101	Trịnh Bảo Duy	Tân	23/11/1991						
28	202111092	Lê Văn	Tấn	11/03/1992						
29	202111095	Trần Ngọc	Thành	27/04/1992						
30	202111105	Đỗ Thu	Thủy	12/04/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	202111106	Lê Thị Quang	Thy	17/11/1997						
32	202111107	Nguyễn Thủy	Tiên	22/05/1997						
33	202111122	Phan Thanh	Tuyền	10/12/1996						
34	192111139	Đỗ Hồng	Tuyền	19/11/1996						
35	202111129	Huỳnh Thị Như	Ý	04/05/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60500502

Môn thi: **Quản trị rủi ro tài chính**

Mã ca thi: **THI198930**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/12/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202111020	Trần Hải	Dương	07/02/1997						
2	202111024	Trương Thị	Hà	17/02/1990						
3	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
4	202111032	Phạm Thị Thúy	Hiền	17/10/1997						
5	202111039	Phạm Thị	Hoài	24/06/1996						
6	202111041	Nguyễn Huy	Hoàng	20/01/1992						
7	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
8	202111049	Đinh Thị Thanh	Huyền	21/12/1996						
9	202111050	Đỗ Huy	Khải	27/10/1997						
10	202111053	Phan Huy	Khôi	03/10/1996						
11	202111054	Trần Trung	Kiên	07/11/1987						
12	202111055	Trần Hoàng	Kỳ	10/03/1997						
13	201111035	Mai Xuân	Lịch	17/09/1992						
14	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						
15	202111075	Lê Minh	Nhật	26/12/1996						
16	202111080	Lê Thị Hồng	Nhung	18/02/1988						
17	202111086	Trần Lâm	Quang	19/04/1996						
18	202111085	Lu Tuấn	Quân	08/01/1992						
19	202111087	Phạm Thanh	Quý	29/09/1995						
20	202111091	Nguyễn Thanh	Tâm	18/06/1997						
21	202111097	Nguyễn Trần Phương	Thảo	05/03/1997						
22	202111099	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	20/04/1996						
23	202111100	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/01/1992						
24	202111102	Phạm Thị Minh	Thương	16/12/1996						
25	192111118	Dương Hoàng	Tiến	15/03/1997						
26	202111109	Nguyễn Minh	Tôn	21/10/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60500603

Môn thi: **Đầu tư tài chính**

Mã ca thi: **THI198931**

Thời gian thi:

Giờ thi: **08g45**

Ngày thi: **25/12/2021**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111005	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	05/10/1989						
2	211111008	Nguyễn Thanh	Bình	10/11/1984						
3	211111009	Nguyễn Yên	Bình	03/05/1992						
4	211111010	Nguyễn Thị Mai	Ca	10/08/1995						
5	211111014	Lê Thị Minh	Châu	15/11/1993						
6	211111015	Phạm Ngọc	Châu	12/04/1996						
7	211111012	Phạm Trần	Châu	14/09/1998						
8	211111017	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	30/09/1996						
9	211111026	Huỳnh Anh	Duy	31/07/1992						
10	211111022	Phạm Thị Thùy	Dương	23/08/1991						
11	211111020	Nguyễn Phương	Đông	13/11/1992						
12	211111030	Vũ Thị	Giao	06/02/1993						
13	211111033	Phạm Thị Thanh	Hà	20/12/1981						
14	211111034	Nguyễn Thanh	Hải	16/06/1990						
15	211111043	Nguyễn Hữu	Hiếu	13/09/1997						
16	211111042	Nguyễn Trung	Hiếu	15/09/1990						
17	211111051	Trần Thị Thanh	Huyền	01/10/1997						
18	211111053	Đặng Nguyễn Như	Huỳnh	15/10/1993						
19	211111052	Nguyễn Huy	Huỳnh	01/02/1989						
20	211111046	Phạm Ngọc	Hưng	11/03/1994						
21	211111047	Phan Lan	Hương	22/06/1994						
22	211111060	Phạm Thị Nhật	Lệ	07/06/1994						
23	211111065	Kim Thanh	Long	09/04/1994						
24	211111066	Nguyễn Trí	Luật	14/11/1997						
25	211111073	Nguyễn Hải	Nam	02/08/1983						
26	211111079	Đặng Thị Bích	Ngọc	15/05/1991						
27	211111080	Hoàng Minh	Nguyên	01/07/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60500603

Môn thi: **Đầu tư tài chính**

Mã ca thi: **THI198932**

Thời gian thi:

Giờ thi: **08g45**

Ngày thi: **25/12/2021**

Phòng thi: **BOX-02**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
28	211111082	Lê Nguyễn Đăng	Nguyên	20/10/1998						
29	211111083	Nguyễn Hữu	Nhân	06/05/1991						
30	211111085	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	06/06/1997						
31	211111086	Lê Thị Cẩm	Nhung	01/09/1992						
32	211111092	Nguyễn Thị Hồng	Phước	26/09/1998						
33	211111098	Lê Anh	Quốc	25/04/1999						
34	211111100	Phạm Bá	Quyền	13/10/1989						
35	211111099	Nguyễn Khâm	Quý	13/02/1994						
36	211111103	Đặng Hoàng	Sơn	29/07/1998						
37	211111106	Nguyễn Minh	Tâm	07/02/1992						
38	211111114	Nguyễn Tâm	Thanh	13/10/1994						
39	211111118	Nguyễn Hạ	Thảo	02/10/1994						
40	211111110	Nguyễn Công	Thái	25/06/1975						
41	211111112	Thái Thị Ngọc	Thắm	14/11/1997						
42	211111119	Phạm Trần Thanh	Thi	01/03/1998						
43	211111120	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	24/10/1993						
44	211111128	Cao Thị Phương	Thúy	10/05/1989						
45	211111124	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/08/1991						
46	211111140	Nguyễn Thị Kiều	Trang	06/09/1996						
47	202111113	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/10/1966						
48	211111142	Phan Thị Quyền	Trang	18/10/1992						
49	211111145	Lê Công Quốc	Tuấn	19/06/1995						
50	211111147	Đỗ Thanh	Tùng	11/06/1997						
51	211111144	Nguyễn Minh	Tú	10/01/1994						
52	211111151	Tạ	Văn	04/01/1990						
53	211111150	Phạm Thị	Vân	19/06/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn
